

	MỤC LỤC	TRANG
	Lời nói đầu	2
	Phần I: Tình hình phát triển của công nghiệp xi măng Trung Quốc	
Chương 1	Chính sách kinh tế vĩ mô và sự phát triển của công nghiệp xi măng Trung Quốc	3
Chương 2	Kiểm soát vĩ mô tăng cường điều chỉnh cơ cấu của công nghiệp xi măng	14
Chương 3	Điều chỉnh, kiểm soát vĩ mô và dự thảo chính sách	21
Chương 4	Công nghiệp xi măng Trung Quốc, những thách thức và cơ hội trên thị trường toàn cầu	29
Chương 5	Công nghiệp xi măng Trung Quốc đang điều chỉnh lại cơ cấu	35
Chương 6	Xu hướng phát triển của nền công nghiệp xi măng Trung Quốc	41
	Phần II: Tình hình phát triển công nghiệp xi măng trên thế giới	
Chương 7	Dự báo phát triển của ngành công nghiệp xi măng thế giới giai đoạn 2003 - 2020	45
Chương 8	Một số xu hướng phát triển của công nghiệp xi măng sinh thái trên thế giới	50
Chương 9	Kadācxtan: Việc phân chia sở hữu bị trì hoãn gây cản trở sự phát triển của công nghiệp xi măng	54
	Tiểu sử các tác giả	56

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua, ngành công nghiệp Xi măng của Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh. Nhà nước đã có những chính sách tăng cường đầu tư và thu hút vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho sự phát triển công nghiệp Xi măng.

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu, đưa ra những chính sách phù hợp phát triển công nghiệp Xi măng nước ta, Trung tâm Tin học- Bộ Xây dựng đã thu thập, tổ chức dịch và biên tập các bài báo cáo của các nhà khoa học và quản lý Ngành Xi măng tại Hội nghị Xi măng quốc tế được tổ chức tại Thượng Hải-Trung Quốc tháng 9 năm 2004. Ngoài ra, còn một số bài viết nổi tiếng đăng trong tạp chí "World Cement" đánh giá về tình hình phát triển của công nghiệp xi măng thế giới, của Trung Quốc và một số nước trong khu vực và trên thế giới cũng được dịch và biên tập đưa trong Tổng luận này.

Do nguồn tài liệu là các báo cáo tại Hội thảo, nên một vài số liệu cũng không được thống nhất, chúng tôi đã cố gắng điều chỉnh. Tuy nhiên, không tránh khỏi những sai sót, mong các quý vị độc giả lượng thứ.

Trung tâm Tin học hy vọng rằng, Tổng luận chuyên đề này sẽ là tài liệu tham khảo quý giá cho các nhà quản lý, các nhà khoa học Ngành Xi măng nước ta, góp phần phục vụ công tác phát triển Ngành hơn nữa, đáp ứng đủ xi măng cho nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

TRUNG TÂM TIN HỌC

Phần 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XI MĂNG TRUNG QUỐC

CHƯƠNG 1: CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XI MĂNG TRUNG QUỐC

Jiang Minglin (1)

Được sự cổ vũ của tinh thần “xây dựng một xã hội phồn thịnh và đẩy nhanh công cuộc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa toàn diện” được nêu ra trong Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16, nhân dân Trung Quốc đã thu được những thành tựu lớn trong hai năm vừa qua. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành TW và Hội đồng Nhà nước, nhân dân Trung Quốc đã mở ra một chân trời mới trong công cuộc xây dựng hiện đại hoá và cải cách mở cửa; tiến thêm một bước trên con đường xây dựng một xã hội phồn thịnh cho dù còn có nhiều khó khăn, thách thức.

Tuy vậy, có một yếu tố thiếu ổn định và ảnh hưởng không tốt đối với nền kinh tế đã xuất hiện, một số mâu thuẫn và vấn đề đang làm hạn chế sự phát triển kinh tế và xã hội theo hướng lành mạnh và bền vững. Ban chấp hành TW, Hội đồng Nhà nước đã xem xét tình hình một cách cẩn thận và đề ra những giải pháp, vì thế từ nửa sau của năm 2003, tình hình kinh tế đã có sự phát triển đúng hướng nhờ một loạt chính sách kinh tế vĩ mô và các biện pháp quản lý. Đảm bảo cho ngành xi măng phát triển nhanh và bền vững là một trong những mục tiêu của chính sách kinh tế vĩ mô và quản lý. Trong một môi trường kinh tế như vậy, ngành xi măng làm thế nào để triển khai các điều chỉnh vĩ mô của TW, thực hiện biện pháp phát triển khoa học, tranh thủ con đường công nghiệp hoá kiểu mới, đã trở thành các vấn đề được nhiều người quan tâm. Tham luận này trình bày 3 khía cạnh xoay quanh vấn đề nêu trên, nhằm nghiên cứu những quy luật bên trong của sự phát triển lành mạnh, khoa học và bền vững của ngành công nghiệp xi măng.

I. NHỮNG THÀNH TỰU CHÓI LỢI VÀ NHỮNG NGUY CƠ TIỀM ẨN

Nền kinh tế quốc dân vẫn giữ chiều hướng tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2003 tăng 9,1% so với năm trước, đạt 11670 tỷ NDT. GDP theo đầu người đạt mức kỷ lục 1000USD. Trong nửa đầu năm 2004, GDP đạt 5.887.300 triệu NDT, cao hơn 9,7% so với kế hoạch và cao hơn 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhu cầu trong nước tăng tương đối nhanh. Năm 2003, đầu tư tài sản cố định của toàn xã hội đạt 5.511.800 triệu NDT, tăng 26,7%. Trong nửa đầu năm nay, đầu tư tài sản cố định của toàn xã hội đạt 2.608.200 triệu NDT, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Một loạt các dự án trọng điểm quốc gia đã được đưa vào vận hành thành công.

Các lợi ích kinh tế cũng tăng tương ứng. Năm 2003 các doanh nghiệp công nghiệp lớn đã thu được 815.200 triệu NDT lợi nhuận, tăng 42,7%. Trong nửa đầu năm nay, các doanh nghiệp công nghiệp lớn đã có mức lợi nhuận đạt 519940 triệu NDT, tăng 41,6% so với cùng kỳ năm 2003. Các chỉ số phát triển xã hội và kinh tế khác như: thu nhập tài chính, kim ngạch xuất-nhập khẩu, thu nhập của dân cư, tỷ lệ có việc làm ... của năm ngoái và nửa đầu năm nay đều tăng cao so với cùng thời gian trước đó. Nền kinh tế đất nước tiếp tục tăng trưởng nhanh, cho thấy một xu thế phát triển với tốc độ nhanh, lợi nhuận tốt hơn và mạnh mẽ hơn. Chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể về phát triển kinh tế và xã hội.

Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng do một số vấn đề có tính chất cơ cấu và hệ thống vẫn chưa được giải quyết hiệu quả nên đã làm nảy sinh những mâu thuẫn mới, các yếu tố thiếu lành mạnh và thiếu ổn định của nền kinh tế do một số đồng chí chưa có quan điểm đúng về phát triển có tính khoa học và về các thành tựu đạt được. Một trong những biểu hiện là tài sản cố định tăng quá nhanh với quy mô quá lớn. Đầu tư ở một số ngành và địa phương tăng quá nhanh, và lượng tiền ném vào các công trình quá gấp gáp, tính cạnh tranh thấp vẫn tiếp tục diễn ra; năng lượng, giao thông và nguồn nguyên vật liệu đều thiếu đáp ứng, giá cả các tư liệu sản xuất tăng cao. Sự xuất hiện của các yếu tố đó đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển theo quy hoạch và bền vững của nền kinh tế quốc dân và của cả xã hội.

Ngành công nghiệp xi măng là một ngành vật liệu quan trọng của nền kinh tế. Ngành xi măng có vị trí và chức năng quan trọng trong sự phát triển kinh tế quốc dân. Chịu ảnh hưởng bởi sự phát triển ổn định của kinh tế vĩ mô và nhờ ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô tăng trưởng nhanh kéo theo sự gia tăng đầu tư tài sản cố định của toàn xã hội mà ngành xi măng đã có sự lớn mạnh trông thấy kể từ thập niên 80 của thế kỷ trước. Tốc độ tăng sản lượng bình quân của ngành xi măng luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong cùng thời kỳ.

Trong thập niên 1980 tốc độ tăng sản lượng bình quân là 10,2% và đã tăng lên 10,63% trong thập niên 90. Bước sang thế kỷ 21, tốc độ tăng sản lượng trung bình của ngành xi măng vẫn tiếp tục giữ ở mức cao. Mức tăng hàng năm bình quân khoảng 72,33 triệu tấn và tốc độ tăng là 10,86%. Trong năm 2003, sản lượng xi măng đã đạt 814 triệu tấn, tăng 89 triệu tấn so với năm 2002 và mức độ tăng là 12,28%. Sản lượng xi măng của Trung Quốc đã chiếm vị trí đứng đầu thế giới trong suốt 19 năm kể từ năm 1985. Tỷ lệ sản xuất và tiêu thụ luôn đạt khoảng 97-98%, đó là một tỷ lệ khá cao. Từ những năm 1990 ngành công nghiệp VLXD đã đưa ra chiến lược “phát triển mạnh mẽ bằng việc sản xuất các sản phẩm tốt hơn và các sản phẩm mới” và một loạt chính sách như “kiểm soát tổng khối lượng và điều chỉnh cơ cấu”, “giảm đầu tư, chế tạo thiết bị trong nước, tối ưu hoá thiết kế, tăng cường quản lý và áp dụng dây chuyền sản xuất xi măng NSP”(NSP: Xi măng lò quay buồng phân huỷ). Trong những năm gần đây đồng thời với sự tăng trưởng cao về sản lượng, ngành công nghiệp xi măng cũng đã thu được những thành tựu đáng kể về điều chỉnh cơ cấu sản xuất và tiến bộ công nghệ. Tỷ lệ xi măng sản xuất bằng công nghệ NSP trong tổng sản lượng xi măng đã liên tục tăng cao. Trong năm 2003 có 98 dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ NSP đã được đưa vào vận hành và các dây chuyền mới đã nâng năng lực sản xuất clinke lên 63,72 triệu tấn. Năm 2003, dây chuyền sản xuất xi măng NSP đã tạo ra 25% tổng sản lượng xi măng, cao hơn 8% so với năm 2002. Dây chuyền sản xuất NSP dự kiến sẽ phát triển với tốc độ cao hơn trong năm 2004. Theo các số liệu liên quan đến dây chuyền NSP, tổng số có 204 dây chuyền NSP đang được xây dựng hoặc chuẩn bị đưa vào vận hành. Nếu điều kiện thuận lợi sẽ có trên 150 dây chuyền NSP được đưa vào vận hành cùng lúc. Đồng thời năng lực sản xuất sẽ tăng lên 200 triệu tấn. Tỷ lệ xi măng sản xuất bằng phương pháp NSP trong tổng sản lượng sẽ tiếp tục tăng. Nghiên cứu triển khai, thiết kế và chế tạo các dây chuyền công nghệ NSP của Trung Quốc đã đạt được những tiến bộ lớn. Trong lĩnh vực chế tạo thiết bị đồng bộ, trong những năm gần đây với sự học tập kinh nghiệm và công nghệ của nước ngoài, Trung Quốc đã chế tạo thành công các dây chuyền công nghệ NSP công suất lớn 5000 tấn/ngày, 8000 tấn/ngày và 10.000 tấn/ngày. Các chỉ tiêu công nghệ và kinh tế đều đạt và vượt mức của thế giới đối với các dây chuyền cùng loại. Điều đó đã mang lại những lợi ích lớn về kinh tế, xã hội và môi trường và nâng cao tính cạnh tranh của các doanh nghiệp. Công nghệ và thiết bị dây chuyền NSP của Trung Quốc có uy tín cao về “tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, thiết bị cỡ lớn, làm sạch môi trường sản xuất và tin học hoá công tác quản lý”. Tập đoàn Conch của tỉnh An Huy là biểu tượng cho những ưu điểm kể trên với một dây chuyền NSP công suất 10000 tấn/ngày được đưa vào vận hành đầu năm nay. Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của dây chuyền này đã đạt mức tiên tiến của thế giới so với các dây chuyền cùng loại.

Mức tiêu hao nhiệt sản xuất clinke $\leq 2950\text{kJ/kg}$; mác clinke $\geq 60\text{MPa}$; tỷ lệ CaO tự do $\leq 1,0\%$; Tỷ lệ phát thải bụi $\leq 50\text{mg/Nm}^3$; Mức tiêu hao điện sản xuất clinke 56kWh/t (từ mỏ đến silo clinke).

Các doanh nghiệp lớn hoặc các tập đoàn đã tự củng cố thương hiệu của mình trong sự cạnh tranh. Nhờ sự cải cách triệt để các doanh nghiệp nhà nước, việc thực hiện cơ chế định hướng thị trường, và sự phát triển công nghệ hiện đại và ứng dụng rộng rãi công nghệ NSP đã làm cho nhiều doanh nghiệp xi măng lớn mạnh lên trong cơ chế cạnh tranh. Sản lượng xi măng của Conch Group của tỉnh An Huy, của Shanshui Group của tỉnh Sơn Đông, Huanxin Group của tỉnh Hồ Bắc, Bohai Group của tỉnh Hà Bắc, Sanshi Group của tỉnh Chiết Giang. .. đạt đến 10 triệu tấn trong năm 2003. Những doanh nghiệp này đang đóng vai trò là động lực to lớn trong việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp của ngành xi măng và tiến bộ công nghệ.

Mặc dù có tốc độ tăng trưởng cao nhưng ngành xi măng của Trung Quốc cũng đang gặp một số vấn đề khó khăn. Thứ nhất là, cơ cấu công nghiệp xi măng mất cân đối nghiêm trọng. Mặc dù trong những năm gần đây tỷ lệ các dây chuyền xi măng NSP liên tục tăng, nhưng các phương pháp sản xuất lạc hậu như phương pháp sản xuất lò đứng vẫn chiếm 75% tổng sản lượng xi măng năm 2003. Ở một số nơi, việc xây dựng trùng lặp các nhà máy xi măng nhỏ hoặc xây dựng cải tiến xi măng lò đứng đang trở nên ngày càng trầm trọng hơn. Thứ hai là sự đầu tư phát triển xi măng quá mức chạy theo cầu của thị trường và lợi nhuận. Tuy nhiên, nhờ các nguyên nhân có tính chất cơ cấu và hệ thống, đầu tư cho xi măng đã tăng 133% so với cùng kỳ năm ngoái. Tại một số địa phương có tình trạng mở rộng đầu tư quá nhanh bất chấp các vấn đề nguồn lực và tình hình thị trường. Đầu tư quá tập trung cũng là nguyên nhân gây ra tình trạng thiếu nguồn cung cấp năng lượng và gia tăng mật độ giao thông, tiêu dùng tài nguyên quá nhanh, và đó là những khó khăn đối với việc đảm bảo cho sản xuất ổn định và lâu dài. Mức độ cạnh tranh quá khốc liệt trên thị trường đã làm cho khó có thể bảo đảm được lợi nhuận của các doanh nghiệp. Thứ 3 là, sự tồn tại của một số lượng lớn các doanh nghiệp sản xuất xi măng bằng công nghệ lạc hậu, khiến cho một lượng lớn nguyên liệu như đá vôi, silicon và nhiên liệu không được sử dụng hiệu quả. Sự lãng phí tài nguyên rất là nghiêm trọng, từ đó đã làm tăng gánh nặng của môi trường. Thứ 4 là, công nghệ sản xuất xi măng lạc hậu vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng sản lượng xi măng toàn quốc, tỷ trọng sản phẩm mác cao và chất lượng cao khá thấp, và chất lượng sản phẩm không ổn định. Điều này đã gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng và độ bền vững của bê tông và của các công trình.

Các mâu thuẫn và các vấn đề nêu trên đây đang làm hạn chế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển lành mạnh và bền vững của ngành công nghiệp xi măng.

II. ĐIỀU CHỈNH KIÊN QUYẾT, HIỆU QUẢ THU ĐƯỢC RÕ RÀNG

Để giải quyết các mâu thuẫn mới, các vấn đề mới phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế, BCH TW Đảng CS Trung Quốc và Hội đồng Nhà nước đã đề ra các chính sách kiên quyết và từ nửa cuối năm 2003, một loạt chính

sách và biện pháp quản lý đã tạo ra sự điều chỉnh hiệu quả về kinh tế vĩ mô. Theo nhu cầu thiết lập nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi các chức năng quản lý nhà nước việc điều chỉnh thị trường chủ yếu dựa trên các biện pháp kinh tế, pháp luật và hành chính khi cần thiết. Một trong những khía cạnh quan trọng của các điều chỉnh và quản lý vĩ mô chính là sự mâu thuẫn của việc mở rộng đầu tư. Việc quản lý 2 công cụ chủ yếu là tín dụng đầu tư và sử dụng đất cần được thắt chặt, nhằm tránh gia tăng quá nhanh đầu tư cho tài sản cố định, đầu tư mù quáng và đầu tư mở rộng theo bề ngang ở trình độ thấp của các ngành công nghiệp trong đó có công nghiệp xi măng. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại. Tỷ lệ này cần nâng lên mức 7,5% so với 7% như hiện nay. Thực hiện cơ chế dự trữ vốn đa dạng. Mở rộng khoảng cách của tỷ lệ lãi suất; tăng cường tỷ lệ vốn của một số ngành đầu tư vào tài sản cố định trong đó có ngành xi măng từ 20% lên 35%. Tăng cường phối hợp giữa chính sách tín dụng và chính sách công nghiệp; hạn chế đầu tư vào các dự án không khuyến khích và các dự án trình độ thấp; hỗ trợ tín dụng cho các dự án khuyến khích đầu tư. Thực hiện chính sách quản lý đất đai chặt chẽ, tái cơ cấu trật tự của thị trường đất đai, chấm dứt việc phê duyệt chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất xây dựng phi nông nghiệp. Đồng thời, căn cứ luật và các chính sách của nhà nước, loại bỏ các dự án đầu tư tài sản cố định bất hợp pháp, các dự án xi măng đang trong giai đoạn xây dựng hoặc sắp được xây dựng là một trong những nội dung của chiến dịch này. Trong quá trình này, chúng ta cần phân biệt rõ các trường hợp một cách cẩn thận. Tăng cường hoạt động kinh tế để chỉnh đốn việc quản lý nhu cầu năng lượng. Đối với 6 ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng như ngành xi măng..., theo sự đòi hỏi của chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, cần phân chia chúng thành ngành cần loại bỏ, ngành cần hạn chế và ngành được phép phát triển và ngành khuyến khích phát triển. Tăng cường nguồn cung cấp hiệu quả; nỗ lực giải quyết tình trạng thiếu năng lượng và hệ thống giao thông.

Tình hình kinh tế năm nay, đặc biệt là từ quý 2 của năm đã cho thấy các biện pháp điều chỉnh và quản lý vĩ mô đã được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, nền kinh tế quốc dân tiếp tục phát triển theo đúng định hướng.

Nền kinh tế quốc dân đã vận hành tốt trong nửa đầu năm nay. Sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản lượng ngũ cốc đã tăng thể hiện các dấu hiệu hồi phục. GDP tăng 9,7%, cao hơn so với cùng kỳ năm trước 0,9%. Công nghiệp tiếp tục phát triển nhanh, các ngành công nghiệp lớn đạt 2.468.200 triệu NDT, cao hơn cùng kỳ năm trước 17,7%. Ngoại thương tiếp tục phát triển nhanh, tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 532 tỷ USD, tăng 39,1% so với cùng kỳ năm 2003. Thu nhập và tiêu dùng của dân tăng nhanh và giá cả tương đối ổn định. Tỷ lệ lao động có việc làm tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Nền kinh tế và các lĩnh vực xã hội phát triển nhanh và toàn diện.

Các yếu tố bất ổn định và thiếu lành mạnh trong hoạt động kinh tế đã được chặn đứng, những điều chỉnh và quản lý vĩ mô đã được thực hiện hiệu

quả. Trong số đó sự đầu tư quá nhanh trong lĩnh vực tài sản cố định đã được kiềm chế. Trong nửa đầu năm nay, mức độ gia tăng đầu tư tài sản cố định của toàn xã hội giảm từ 43% xuống 28,6% trong quý 1. Một số ngành đầu tư quá nóng đã chấm dứt được bầu không khí đầu tư mù quáng, trong đó giá trị tăng đầu tư của ngành xi măng giảm 44,9%. Xu hướng gia tăng của vốn tín dụng đã giảm dần. Những điều chỉnh thị trường đất đai đã thu được những thành tựu quan trọng. Giá tư liệu sản xuất giảm dần sau 17 tháng tăng liên tục. So với cùng kỳ năm ngoái, tháng 5 và tháng 6 có mức giảm tương ứng bằng 1,4% và 0,3%. Giá xi măng giữ được mức ổn định và giảm nhẹ; trong 10 ngày giữa tháng 7, giá xi măng giảm 0,1% so với 10 ngày đầu tháng. Trong nửa đầu năm nay các ngành công nghiệp lớn có mức lợi nhuận 519940 triệu NDT, cao hơn 41,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng giảm 2,1% so với mức tăng trưởng của giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5. Do những điều chỉnh và biện pháp quản lý vĩ mô, mức tăng trưởng lợi nhuận của hầu hết các ngành công nghiệp đều giảm. Ngành xi măng thu được lợi nhuận 77600 triệu NDT trong nửa đầu năm nay, cao hơn 2,98 lần so với cùng kỳ năm trước.

Thực tế đã chứng minh rằng các cơ quan thẩm quyền của TW đã đúng đắn khi đưa ra những quyết định tăng cường quản lý và điều chỉnh vĩ mô. Mấu chốt của sự thành công là sự kiên quyết và tính đúng đắn của các quyết định do BCHTW Đảng và Hội đồng Nhà nước đưa ra. Kiên trì chính sách "tìm chân lý từ thực tiễn" và xử lý mọi việc với mức độ chú trọng khác nhau. Không bao giờ sử dụng nguyên tắc "đồng nhất hoá cứng nhắc" hay "đem đến một sự chấm dứt đột ngột". Kiên trì chính sách quản lý thích hợp và hiệu quả đối với việc điều chỉnh. Tăng cường chức năng điều chỉnh nền kinh tế của Nhà nước, chủ yếu sử dụng các phương pháp kinh tế và pháp luật, chỉ dùng phương pháp hành chính khi cần thiết; Kiên trì xử lý cả khía cạnh chính và phụ của căn bệnh, đẩy mạnh và đào sâu công cuộc cải cách; chú ý đến các vấn đề có tính chất cơ cấu và hệ thống. Kiên trì giáo dục cán bộ và quần chúng về một quan điểm phát triển mang tính khoa học và quan điểm đúng đắn về thành tựu; tổng kết kinh nghiệm và các bài học thu được, điều chỉnh tư duy về chủ động phát triển, tăng cường phát triển bền vững và nhận thức về con đường công nghiệp hoá kiểu mới nhằm mục tiêu tiến xa trên con đường xanh.

III. NHIỆM VỤ CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH VÀ QUẢN LÝ VĨ MÔ LÀ RẤT VẮT VẢ, SỰ PHÁT TRIỂN MANG TÍNH KHOA HỌC ĐẶT LÊN VAI CHỨNG TA TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ.

Mặc dù các chính sách và quản lý vĩ mô đã thu được những hiệu quả tích cực và rõ ràng, chúng ta cũng cần nhận thức được đầy đủ các vấn đề khó khăn đã được giảm bớt trong việc vận hành nền kinh tế của đất nước chúng ta, tuy nhiên nền móng đó vẫn chưa được ổn định, những mâu thuẫn và các vấn đề vẫn chưa được giải quyết hoàn toàn. Vì thế hiệu quả của những điều chỉnh và quản lý vĩ mô mới chỉ là bước đầu, trong chặng đường đầu, nhiệm vụ của công tác này vẫn còn hết sức nặng nề.

Một trong những hình ảnh đó là áp lực nặng nề của việc mở rộng đầu tư. Các dự án quy mô quốc gia đang xây dựng trị giá tới 1.600 triệu NDT tính đến cuối năm 2003, và dự án mới đưa vào vận hành trong nửa đầu năm nay lên tới 6800 dự án. Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch là 24.000 tỷ NDT, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước. Số lượng các dự án trong kế hoạch trên toàn quốc khoảng trên 20.000. Vốn đầu tư cho các dự án của địa phương tăng khá cao; trong nửa đầu năm nay tăng 38,5%, cao hơn vốn đầu tư của các dự án TW là 37,2%. Tốc độ tăng vốn tín dụng trung và dài hạn giảm sau một thời gian tăng chậm. Tốc độ tăng đầu tư vẫn còn ở mức cao trong nửa đầu năm nay của ngành xi măng, tăng 56,5%, đã giảm hơn so với cùng kỳ năm ngoái là 1,3%, nhưng có trên 50% mức tăng vẫn ở phía cao. Số lượng dự án cũng thấp hơn so với thời kỳ cao của một quý, nhưng mức tăng trên 50% vẫn khá cao.

Mâu thuẫn giữa cung và cầu về than, điện, dầu vẫn chưa được giải quyết hiệu quả. Vấn đề "nút cổ chai" trong lĩnh vực năng lượng và giao thông vẫn còn tồn tại. Vào giờ cao điểm vẫn thiếu khoảng 30 triệu kW điện. Sự mất cân đối cung cầu về điện ở một số địa phương là rất nghiêm trọng. Năng lực vận tải đường sắt luôn trong tình trạng bão hoà. Những tình trạng đó gây ra những ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất xi măng ở nhiều cấp độ khác nhau; khiến cho năng lực sản xuất của các doanh nghiệp không thể phát huy được hết. Bên cạnh những vấn đề nêu trên, chi phí sản xuất tăng, lợi nhuận giảm cũng là những khủng hoảng đang cần giải pháp khắc phục.

Những hậu quả xấu của việc phát triển theo bề rộng ở trình độ thấp đã bắt đầu xuất hiện do tình trạng đầu tư mù quáng của một số ngành. Tỷ trọng sản phẩm tồn kho của các doanh nghiệp lớn ngày một tăng, tính đến cuối tháng 6 đã tăng 19,9%, cao hơn 9,5% so với cùng kỳ này năm ngoái. Số nợ phải thu của các doanh nghiệp công nghiệp đã tăng 18,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Do sự đình chỉ sử dụng một số loại sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao khiến cho một số doanh nghiệp đầu tư mù quáng đang lâm vào tình trạng làm ăn kém hiệu quả.

Vốn lưu động của một số doanh nghiệp hiện rất eo hẹp. Trong nửa đầu năm nay, vốn vay ngắn hạn và chứng khoán đầu tư giảm so với cùng kỳ năm trước. Một số khó khăn đã bắt đầu xuất hiện đối với các tổ chức tín dụng khiến cho nhiều dự án và doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Đó là những điều kiện không thuận lợi cho sản xuất và sự điều chỉnh cơ cấu ngành nghề của doanh nghiệp.

Đầu tư mù quáng và câu hỏi không có lời giải về sự theo đuổi tốc độ tăng trưởng kinh tế được đặt ra nhiều lần trong sự nghiệp phát triển kinh tế của nước ta về cơ bản là xuất phát từ các nguyên nhân thể chế pháp luật chưa hoàn thiện, sự phát triển kinh tế không đồng đều giữa các vùng. Quan điểm phát triển có tính khoa học mà các cơ quan thẩm quyền của Nhà nước đưa ra thiếu tính thực tế cũng là một trong những nguyên nhân. Hiện nay, những sự điều chỉnh và quản lý vĩ mô vẫn đang ở giai đoạn chủ yếu. Có thể thấy rằng nếu

buông lỏng quản lý, thì thậm chí tất cả những thành tựu thu được có thể biến thành số không, gây ra những khó khăn phức tạp. Chúng ta cần kiên trì thực hiện các đường lối mà Hội đồng Nhà nước đã đưa ra "ổn định chính sách, bình tĩnh quan sát, củng cố các thành tựu, chống dập khuôn, điều chỉnh cơ cấu, đào sâu cải cách, tăng cường quy chế, lập các quy hoạch tổng thể". "Đường lối này khi đã trở thành nhận thức chung sẽ biến thành sức mạnh tập thể". Cần đảm bảo ổn định và thực hiện các chính sách và biện pháp đã được TW quán triệt. Tạo ra những thành công lớn ứng với sự thay đổi của vận động kinh tế. Đưa động lực phát triển kinh tế vào việc điều chỉnh cơ cấu, cải cách, thay đổi phương thức tăng trưởng kinh tế cho phù hợp với thực tế.

Một vấn đề quan trọng là làm thế nào để thấy được rõ và giải quyết tình hình phát triển kinh tế hiện nay cùng với chính sách và biện pháp quản lý kinh tế vĩ mô. Chúng ta cần đứng trên tầm cao của đất nước và bao quát tình hình, hiểu và triển khai quyết định điều chỉnh và quản lý vĩ mô của TW một cách đúng đắn. Thông qua các chính sách và biện pháp quản lý kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và tiến bộ công nghệ trong ngành công nghiệp xi măng, củng cố các doanh nghiệp lớn hoặc giàu tính cạnh tranh, nhằm đưa ngành xi măng trở thành một ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tiêu thụ năng lượng thấp, và trong sạch về môi trường. Thông qua những nỗ lực không ngừng của chúng ta, lợi ích kinh tế sẽ thu được ngày càng nhiều hơn, ưu thế nguồn nhân lực và các ngành công nghiệp nguyên liệu thành phẩm và bán thành phẩm sẽ được phát huy đầy đủ.

Do đó chúng ta cần cố gắng hoàn thành các công việc sau đây để thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của ngành công nghiệp xi măng

1. Rà soát lại và sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư tài sản cố định càng sớm càng tốt. Các cơ quan chức năng của chính phủ cần phân biệt rõ từng dự án cụ thể, và quản lý chúng cẩn thận. Các công nghệ sản xuất xi măng và sản phẩm lạc hậu mà luật pháp nhà nước đã yêu cầu giải thể phải chấm dứt ngay việc xây dựng. Đối với các dự án thuộc loại bị hoãn xây dựng trong một thời hạn xác định thì cần đảm bảo các hạng mục xây dựng phải tích cực hoàn tất các vấn đề như thâm nhập thị trường, mua đất, bảo vệ môi trường, an toàn sản xuất... Đối với các dự án phù hợp với chính sách phát triển công nghiệp của nhà nước và các dự án có các điều kiện thâm nhập thị trường, các cơ quan hữu trách của chính phủ cần hỗ trợ trong các vấn đề về sử dụng đất, vay vốn ngân hàng, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp xi măng.

2. Triển khai "Quyết định về đầu tư cải cách hệ thống của Hội đồng Nhà nước". Căn cứ theo yêu cầu của "Quyết định về cải cách hệ thống đầu tư của Hội đồng Nhà nước" mới công bố gần đây, cần giành ra một khoảng trống lớn hơn cho thị trường để bố trí các nguồn lực cơ bản theo sự điều chỉnh và quản lý vĩ mô, nhằm thiết lập thị trường và định hướng đầu tư. Thông qua đó các doanh

ngành sẽ tự đưa ra quyết định của mình. Việc kiểm soát vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn đầu tư khác, quy chế dịch vụ môi giới, cơ cấu đầu tư kiểu mới hiệu quả của chính sách điều chỉnh và quản lý vĩ mô sẽ vận hành độc lập. Trong "Danh mục các dự án đầu tư được chính phủ phê duyệt" của năm 2004, các dự án xi măng được phân loại thành "các dự án có sự phê duyệt của chính quyền tỉnh và các dự án cấm phát triển". Từ đó đưa "danh mục hướng dẫn điều chỉnh cơ cấu công nghiệp" vào kế hoạch. Nhằm khuyến khích, hạn chế và cấm các dự án bị cấm, tiêu chuẩn hoá định hướng đầu tư của doanh nghiệp.

2.1. Xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống thâm nhập thị trường của ngành công nghiệp xi măng càng sớm càng tốt. Tiến hành tốt việc thành lập và điều chỉnh một số tiêu chuẩn cụ thể liên quan như: xây dựng và áp dụng "Tiêu chuẩn phát thải ô nhiễm không khí của công nghiệp xi măng" theo yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường của quốc gia và sự cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu ngành xi măng, "Tiêu chuẩn phát thải ô nhiễm không khí ngành công nghiệp xi măng" đã được điều chỉnh và được Ủy ban Nhà nước về Bảo vệ môi trường thông qua. Tiêu chuẩn này sẽ chính thức được áp dụng vào năm 2006 sau khi trình Hội đồng Nhà nước phê duyệt. Các doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các tiêu chuẩn mới càng sớm càng tốt để có thể triển khai áp dụng tiêu chuẩn mới. Cần cải tiến việc sản xuất xi măng và nâng cấp các thiết bị lọc bụi để đảm bảo sản xuất bình thường. Áp dụng tiêu chuẩn mới về phát thải ô nhiễm không khí ngành công nghiệp xi măng để đáp ứng những kỳ vọng lớn của ngành công nghiệp xi măng. Đây được coi là một cuộc cách mạng trong ngành công nghiệp xi măng. Việc áp dụng tiêu chuẩn mới thành công tùy thuộc vào nhận thức và sự giám sát của nhân dân, của các cơ quan chính phủ.

Sửa đổi và hoàn thiện trình độ chất lượng sản phẩm xi măng và áp dụng tiêu chuẩn cần được đưa vào kế hoạch càng sớm càng tốt. Xi măng là một loại vật liệu ở dạng hàng hoá bán thành phẩm. Chúng ta cần nghiên cứu mức độ chất lượng xi măng phù hợp với bê tông và chất lượng công trình. Nâng cao độ bền của bê tông đối với nước ta đã trở thành một yêu cầu cấp thiết.

Các tiêu chuẩn khác như tiêu chuẩn tiêu hao năng lượng công nghiệp xi măng, tiêu chuẩn an toàn sản xuất công nghiệp xi măng, bảo vệ môi trường khai thác mỏ... cần được xây dựng và sửa đổi càng sớm càng tốt cho phù hợp với các quy định và chính sách của Nhà nước, để đẩy mạnh điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và phát triển công nghệ của ngành công nghiệp xi măng.

2.2. Phát triển công nghệ xi măng theo hướng hiệu quả kinh tế, sử dụng công nghệ cao, công nghệ mới và các kỹ thuật tiên tiến, từng bước nâng cao trình độ cơ khí xi măng. Sự kết hợp giữa khoa học và công nghệ sẽ tạo ra sức mạnh, và đó là nguyên nhân mà ngành công nghiệp xi măng của Trung Quốc đã có những bước phát triển to lớn trong 20 năm qua. Mặc dù chúng ta đã có thể tự mình xây dựng và chế tạo thiết bị cho dây chuyền công nghệ sản xuất xi măng NSP công suất lớn nhưng chúng ta cũng cần nhận thức rõ rằng chúng ta

vẫn còn có sự chênh lệch với trình độ quốc tế ở hầu hết các lĩnh vực cơ khí chế tạo. Chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề trọng yếu một cách bền bỉ để tạo ra được những bước tiến lớn hơn.

Công nghệ nghiên cứu tiết kiệm năng lượng. Quá trình sản xuất xi măng là một quá trình tiêu tốn nhiều điện năng. Theo phương pháp nghiền bằng bi đạn truyền thống, mức tiêu hao điện năng cho việc nghiền nguyên liệu thô, xi măng thành phẩm và than chiếm khoảng từ 60-70% tổng hao phí điện năng của sản phẩm xi măng. Trong năm nay, nghiền bột bằng phương pháp nén ép đã chứng tỏ khả năng tiết kiệm năng lượng, giảm tiếng ồn và giá thành sản xuất, bảo dưỡng đơn giản. Tuy nhiên, trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển thiết bị hạng nặng chúng ta còn xa mới đạt được trình độ thế giới.

Công nghệ bù nhiệt lượng và tiết kiệm năng lượng. Đây là một sự chênh lệch giữa tỷ lệ hao phí nhiệt trong sản xuất bằng công nghệ NSP của Trung Quốc với trình độ tiên tiến nhất của thế giới hiện nay và giữa các doanh nghiệp trong nước cũng có sự chênh lệch lớn. Chúng ta cần tăng cường và sử dụng công nghệ này trong sản xuất cùng với việc nghiên cứu và phát triển để giảm hao phí nhiệt, tiết kiệm năng lượng và công nghệ bù nhiệt lượng. Bao gồm lò tiền nung kiểu mới, thiết bị làm lạnh mới, công nghệ lò ngắn, vật liệu chịu lửa chất lượng cao, công nghệ phát điện và sấy tinh nhiệt độ thấp...

Tăng cường nghiên cứu công nghệ và phát triển nguyên liệu thô và nhiên liệu phế thải công nghiệp cấp thấp. Công việc này rất quan trọng. Việc áp dụng thành công công nghệ này không chỉ giúp cho các doanh nghiệp xi măng hạ được đáng kể giá thành sản xuất mà còn có ý nghĩa tích cực đối với công tác bảo vệ môi trường. Chính phủ cần đưa ra những hỗ trợ cần thiết ở một số mặt đặc biệt là chính sách thuế. Bên cạnh đó phải đồng thời xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng và đưa vào áp dụng nghiêm ngặt.

2.3. Đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế tái chế theo hướng hiệu quả nhất. Tại Kỳ họp thứ II Quốc hội khóa 10, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã đưa ra ý kiến "phát triển nền kinh tế tái chế theo hướng hiệu quả kinh tế hơn và theo hướng sản xuất sạch". Ngành công nghiệp xi măng đã trở thành người khổng lồ về tiêu thụ phế thải. Rác thải của một số ngành công nghiệp và rác sinh hoạt đã được sử dụng là nguyên liệu và nhiên liệu cho sản xuất xi măng. Ngành xi măng đã biến những phế thải và rác thải gây ô nhiễm môi trường thành những thứ có ích thông qua việc xử lý và sử dụng cho quá trình sản xuất xi măng theo phương châm "tận dụng tối đa mọi thứ". Tuy nhiên đó không phải là quan điểm duy nhất về sử dụng rác thải và phát triển nền kinh tế tái chế. Việc sử dụng rác thải trong ngành xi măng là một bộ phận và là nền tảng quan trọng đối với một nền kinh tế tái chế. Sự phát triển nền kinh tế tái chế là một mô hình có thể áp dụng cho toàn bộ nền kinh tế của đất nước hoặc của một vùng nào đó. Nền kinh tế tái chế cần được phát triển theo quy hoạch tổng thể về công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế xã hội. Phát triển nền kinh tế tái chế cần được lập thành kế

hoạch dựa trên sự phân bố tổng thể các ngành công nghiệp và mọi mặt phát triển xã hội. Theo nguyên lý giảm tiêu dùng tài nguyên, thiết lập một số chuỗi như sau: "Tài nguyên --- sản phẩm ----phế thải --- nguyên liệu và nhiên liệu của quá trình sản xuất khác --- sản phẩm ---phế thải --- nguyên liệu và nhiên liệu của quá trình sản xuất khác." Các chuỗi này không phụ thuộc lẫn nhau, vì thế tài nguyên sẽ được sử dụng hiệu quả nhất. Chính phủ cần chủ động thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế tái chế theo một quy hoạch và có lộ trình thông qua việc đề ra các chính sách liên quan. Đồng thời với việc thực hiện quy hoạch dự án và kinh tế vùng, chính phủ cũng cần phát triển nền kinh tế xã hội một cách tổng thể.

2.4. Hỗ trợ cho các tập đoàn doanh nghiệp thực hiện chiến lược quốc tế hoá. Từ khi Trung Quốc gia nhập WTO, việc làm thế nào để sử dụng hiệu quả phương châm "hai nguồn lực, hai thị trường", tham gia vào cạnh tranh quốc tế, đẩy mạnh thực hiện chính sách hướng ngoại, đã trở thành một vấn đề quan trọng mà nhiều doanh nghiệp lớn hoặc tập đoàn doanh nghiệp xi măng phải đối mặt. Các doanh nghiệp cần tranh thủ tất cả các thuận lợi của ngành xi măng nước ta hiện nay và chủ động khai thác thị trường thế giới. Tranh thủ các nguồn vốn, huy động vốn để trở thành một nhà đầu tư có thể tái sinh hoặc mua lại phần lớn cổ phần của doanh nghiệp nước ngoài theo hướng mở rộng thị trường quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế. Chính phủ cần kiểm tra và phê duyệt hoặc thông tin về dự án, tín dụng ngân hàng, sử dụng ngoại hối, kiểm tra chất lượng, thuế thu nhập, thủ tục hải quan ... để hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp.

Chính sách kinh tế vĩ mô và các biện pháp quản lý là một thực tế sinh động của sự thiết lập và thực hiện quan điểm phát triển có tính khoa học, đó là biểu hiện cụ thể những nỗ lực của chính phủ thực hiện chức năng điều chỉnh kinh tế. Mục đích cuối cùng của những điều chỉnh và quản lý vĩ mô là thúc đẩy nền kinh tế phát triển lành mạnh và toàn diện. Ngành công nghiệp xi măng là một trong những ngành kinh tế chủ đạo chịu sự điều chỉnh và quản lý vĩ mô đó. Chúng ta cần thống nhất với tinh thần của Trung ương, hiểu và thực hiện các nguyên tắc và chính sách điều chỉnh vĩ mô và các biện pháp một cách đúng đắn, tích cực, nắm bắt thời cơ của việc điều chỉnh vĩ mô để chủ động đưa ra những sáng kiến, thay đổi cách nghĩ về phương thức phát triển. Sự thay đổi cách nghĩ về phát triển một cách chủ động, điều chỉnh cơ cấu công nghiệp xi măng, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển công nghệ, thay đổi mô thức công nghiệp của phát triển kinh tế ngành xi măng. Thiết lập cơ cấu công nghệ của ngành xi măng, giảm tiêu hao năng lượng, loại bỏ ô nhiễm môi trường, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, bước vào con đường phát triển bền vững và công nghiệp hoá kiểu mới./.

CHƯƠNG 2: KIỂM SOÁT VĨ MÔ TĂNG CƯỜNG ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP XI MĂNG

Lei Qianzhi (2)

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGÀNH XI MĂNG NĂM 2003

Trong năm 2003, sản lượng xi măng của Trung Quốc đạt 863 triệu tấn, trong đó xuất khẩu đạt 4,89 triệu tấn, nhập khẩu 2,23 triệu tấn và tiêu dùng 857 triệu tấn, mức tiêu thụ xi măng trung bình tính theo đầu người là 662kg.

Tổng mức đầu tư dự tính vào tài sản cố định trong ngành xi măng là 80,9 tỷ NDT và số vốn đầu tư đã thực hiện là 30,3 tỷ, tăng 93%.

Theo số liệu được công bố, sự phát triển về sản xuất, tiêu thụ và đầu tư như trên chưa từng xảy ra. Các đặc điểm kinh tế được thể hiện như sau:

1. Sản lượng tăng nhanh chóng, giá tăng, lợi nhuận đạt kỷ lục mới

Ngành xi măng là một ngành công nghiệp thu hút vốn đầu tư, trong năm 2003 đầu tư tài sản cố định đạt 16.000 tỷ NDT với 5.500 tỷ NDT vốn đầu tư đã được thực hiện, tăng 26,7% và kéo theo sản lượng xi măng tăng 18,9%

Giá cả trên thị trường xi măng bị ảnh hưởng ít trong thời kỳ dịch SARS, sau đó giá tăng từng tháng, giá xi măng ở quận Huadong chạm mức 50 USD/tấn vào cuối tháng 11.

Lợi nhuận kinh tế cũng tăng theo từng tháng, lợi nhuận đạt 11 tỷ NDT, tăng 148% so với năm 2002 và tạo ra một kỷ lục mới trong lịch sử.

Lợi nhuận kinh tế của doanh nghiệp được nhận thấy dễ dàng, lợi nhuận bán hàng của 132 doanh nghiệp có sản lượng trên 300.000 tấn/năm có thể đạt trung bình 11,3%. Ví dụ như tập đoàn Conch, tập đoàn Lions, dây chuyền sản xuất của các tập đoàn trên đạt 5.000 tấn/ngày, tỷ suất lợi nhuận đầu tư đạt 30% cũng trong năm đó sau khi đầu tư. Trong khi đó, các thống kê của 3.884 doanh nghiệp nhỏ lợi nhuận bán hàng chỉ đạt 3,9%.

Hình 1: Lợi nhuận thực tế của ngành xi măng trong những năm qua

2. Đặc điểm sản xuất và tiêu thụ xi măng ở khu vực duyên hải

Sản lượng xi măng đạt 420 triệu tấn và mức tiêu thụ 450 triệu tấn ở 6 tỉnh và 3 thành phố như Quảng Đông, Fujian, Triết Giang, Giang Tô, Sơn Đông, Hà Bắc, Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, trong các khu vực kể trên thì tiêu thụ xi măng tính theo đầu người đạt 1.700kg ở Thượng Hải; 1.492 kg ở Triết Giang, 1.000 kg ở Quảng Đông và 1.000kg ở Giang Tô, mức tiêu thụ trung bình là 1.042 kg, một con số hiếm thấy trong lịch sử sản xuất xi măng của thế giới (420 triệu dân đối với mức tiêu thụ trung bình trên 1.000 kg/người)

II. HIỆU QUẢ BAN ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH VÀ KIỂM SOÁT VĨ MÔ

1. Tốc độ tăng của sản lượng đang giảm dần từng tháng
2. Tốc độ tăng của vốn đầu tư giảm dần từng tháng
3. Giá bán xi măng giảm dần từng tháng
4. Sự phát triển của lò NSP nhanh chóng đi vào ổn định, cơ cấu sản xuất ngày càng được cải tiến
5. Các doanh nghiệp lớn phát triển nhanh chóng, tập trung hoá sản xuất tăng nhanh.

1. Sự phát triển của lò NSP nhanh chóng đi vào ổn định

Tổng mức đầu tư dự kiến của ngành xi măng trong năm 2003 là 80,9 tỷ NDT, trong đó 90% là của dự án lò NSP. 98 dây chuyền đi vào sản xuất trong năm 2003, tăng sản lượng clinke lên 63,72 triệu tấn. Trong nửa đầu năm 2004, 50 dây chuyền khác cũng đi vào hoạt động, tăng sản lượng clinke lên 45,07

triệu tấn, và một loạt lò NSP quy mô lớn sẽ đi vào hoạt động trong nửa cuối năm nay, dự kiến sản lượng clinke được sản xuất từ lò NSP trong cả năm sẽ đạt 100 triệu tấn.

4 đặc điểm của việc xây dựng và đầu tư lò NSP:

- Quy mô dự án lớn, các dự án có năng lực sản xuất trên 4.000 tấn/ngày chiếm trên 50%

- Thành phần đầu tư đa dạng, vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước giảm dần, doanh nghiệp cổ phần và sở hữu tư nhân sẽ trở thành lực lượng chính của đầu tư.

- Tỷ lệ vốn tự huy động tăng đều đặn; Tỷ lệ tham gia đầu tư như sau: Nhà nước đầu tư 1,3%, doanh nghiệp trong nước 27%, nước ngoài đầu tư 7%, vốn tự huy động 62,4%

- Phát triển mất cân đối, 64% vốn đầu tư tập trung ở miền Đông Trung Quốc.

Trong nửa đầu năm 2004, sản lượng xi măng đạt 420 triệu tấn (trích báo cáo xuất khẩu), trong đó xi măng được sản xuất bằng lò NSP tăng 3%, xi măng lò đứng giảm 2%, cơ cấu sản xuất được ưu tiên hàng đầu.

2. Sự phát triển nhanh chóng của doanh nghiệp xi măng quy mô lớn

Một loạt doanh nghiệp xi măng phát triển nhanh chóng đạt tiêu chuẩn tập đoàn lớn thông qua việc xây dựng lò khô loại mới nhờ cải tạo hệ thống, liên kết tài sản, huy động vốn. Đến cuối tháng 6/2004, Conch, Bohai, Huaxin, Shanshui, Shanxi, Zhonglian sẽ có sản lượng clinke trên 10 triệu tấn. 5 doanh nghiệp đầu tiên được đề cập ở bảng 1, mặc dù mức độ đầu tư của nhà nước đang giảm dần từng tháng, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp quy mô lớn luôn được cân nhắc rất thận trọng, và với điều kiện xây dựng tốt và phê duyệt chính thể, phần lớn các dự án đều chưa được thực thi.

Ngược lại, tốc độ xây dựng của các doanh nghiệp giảm dần, kinh tế vĩ mô có lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp lớn. Đến cuối năm 2004, có 8 doanh nghiệp đạt sản lượng trên 10 triệu tấn, mức độ tập trung hoá sản xuất của 10 doanh nghiệp hàng đầu tăng 2%.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp do Hồng Kông và Đài Loan đầu tư hoạt động rất hiệu quả, ví dụ như Lafarge, Heidgege, Jiaxin, Yani, Taini, Rui'an. Một số công ty trong số đó đầu tư xây dựng nhà máy mới, một số mua lại các nhà máy cũ, các công ty này đều có tốc độ phát triển đáng kinh ngạc.

TT	Tên công ty	Dây chuyền sản xuất	Công suất clinke (triệu tấn)	Năm 2004	
				Số lượng dây chuyền sản xuất	Công suất (triệu tấn)
1	Tập đoàn Conch	5	49,55	1	23,25
2	Tập đoàn Bohai	4	16,08	1	4,81
3	Tập đoàn Huaxin	6	15,59	2	7,13
4	Tập đoàn Shanshui	3	12,86	1	4,65
5	Tập đoàn Lions	4	11,03	1	4,49

Bảng 1: 5 doanh nghiệp hàng đầu có năng lực sản xuất clinke cao vào cuối năm 2004

Sự phát triển nhanh chóng của tập đoàn Conch, được xếp vào danh sách 10 tập đoàn hàng đầu thế giới

Trước năm 1994, nhà máy xi măng Ningguo, tiền thân của Conch, được đặt tại địa phận Ningguo thuộc tỉnh An Huy và chỉ có 1 dây chuyền sản xuất với công suất 4.000 tấn/ngày, sản lượng đạt 1.500.000 tấn/năm. Sau quá trình Marketing - sáp nhập Tongling - mua Bamashan, chuyển trụ sở đến thành phố Wuhu - xây dựng lò NSP quy mô lớn, hiện Conch đã có lò NSP gồm 24 dây chuyền sản xuất, sản lượng clinke đạt 35.030.000 tấn, quy mô trung bình của 1 dây chuyền là 1.460.000 tấn/năm, đến cuối năm 2004, năng lực sản xuất (công suất) clinke sẽ đạt 49.550.000 tấn, trong đó 83,2% của lò NSP, 16,8% của lò quay, năng lực nghiền là 47.850.000 tấn (17 trạm nghiền), lợi nhuận bán hàng có thể đạt 143 tỷ NDT, năng lực sản xuất được xếp tối thiểu là thứ 7 trên thế giới.

2 dây chuyền 10.000 tấn/ngày của Conch Tongling đã đi vào vận hành ngày 5/6 và 28/6 theo đúng năng lực thiết kế, trong 6 tháng cuối năm, 2 dây chuyền 10.000 tấn/ngày khác ở Conch Zhongyang, Xuzhou cũng sẽ đi vào hoạt động. Cả 4 dây chuyền đều vận hành theo công nghệ và thiết bị hiện đại nhất, các nhà máy xi măng Tongling, Zhongyang và Chizhou đều là các nhà máy xi măng hiện đại nhất thế giới.

Quy mô của một dây chuyền	Số lượng dây chuyền đi vào hoạt động
2.500 tấn/ngày	8
5.000 tấn/ngày	13
8.000 tấn/ngày	1
10.000 tấn/ngày	2
Tổng số	24

Bảng 2: Dây chuyền NSP

	2001	2002	2003	2004 (6 tháng đầu năm)	2004 (cả năm)
Clinke (triệu tấn)	9,57	14,22	21,52	12,19	31,00
Xi măng (triệu tấn)	3,81	6,79	13,70	8,83	20,00
Tổng số (triệu tấn)	13,38	21,01	35,22	21,01	51,00

Bảng 3: Báo cáo về tiêu thụ xi măng và clinke hiện nay của Conch

Trên cơ sở kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ 11, Conch xác định xây dựng Conch Chizhou, Conch Tonglin, Conch Zhongyan thành các cơ sở sản xuất clinke có năng lực 10 triệu tấn. Năng lực sản xuất clinke sẽ đạt 60 triệu tấn vào cuối năm 2010 và 99 triệu tấn vào cuối năm 2020.

III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TIẾP THEO

Xi măng là loại vật liệu thông dụng và cơ bản nhất đối với hạ tầng, cho đến nay vẫn không có loại vật liệu nào có thể thay thế được nó.

Bước vào thế kỷ 21, ngành công nghiệp xi măng không những phải đáp ứng yêu cầu về hạ tầng mà nó phải đóng vai trò là ngành làm sạch môi trường

đô thị bằng cách tiêu huỷ các rác thải công nghiệp và đô thị thông qua việc sử dụng lò NSP.

Xi măng được sản xuất sau quá trình tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng, mặc dù tiêu dùng xi măng trung bình trong năm 2003 là 662 kg, tiêu thụ xi măng dự tính từ năm 1950 là 8 tấn, theo quy luật phát triển tiêu thụ xi măng, trong 10 năm tới hoặc hơn thế nữa, nhu cầu xi măng phục vụ cho phát triển kinh tế chắc chắn sẽ tăng. Để sử dụng tài nguyên hợp lý tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và sinh vật, động vật, chiến lược phát triển tiếp theo của Trung Quốc đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành phần kinh tế, các cấp chính quyền, các tổ chức và các doanh nghiệp.

Luân chuyển kinh tế là con đường cần thiết để thực hiện chương trình phát triển tiếp theo, Hiệp hội Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Trung Quốc sẽ cùng với nhà nước và các tổ chức nghiên cứu cụ thể về luân chuyển kinh tế.

Chiến lược cụ thể đối với chương trình phát triển tiếp theo:

1. Hỗ trợ phát triển lò NSP quy mô lớn, tăng tỷ lệ xi măng được sản xuất bằng clinke lên 50% và trên 80% vào năm 2020, hoàn thành cơ bản việc điều chỉnh cơ cấu.

2. Ưu tiên hỗ trợ phát triển tập đoàn quy mô lớn, đến 2010, tỷ lệ tập trung hoá của 10 doanh nghiệp hàng đầu sẽ đạt trên 25%, 40% vào năm 2020 và 150 doanh nghiệp sẽ có năng lực sản xuất 1.000.000 tấn/năm.

3. Thúc đẩy phát triển kỹ thuật và sáng tạo đối với lò NSP. Chỉ số kinh tế kỹ thuật chủ yếu đối với việc xây dựng lò NSP mới là: tiêu thụ nhiệt sản xuất clinke là 740 kcal/kg, tiêu thụ điện cho xi măng là 95 kwh/tấn, hàm lượng bụi trong khí thải dưới 50mg/Nm³, năng suất lao động sản xuất xi măng là 4.000 tấn/người năm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách công nghiệp

Để thực hiện chiến lược phát triển tiếp theo, một chính sách công nghiệp mới đã được đề ra và được công bố bởi Uỷ ban Cải cách và Phát triển Nhà nước, nội dung như sau:

Định hướng và nguyên tắc

Sử dụng hợp lý tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và động vật, sinh vật, đẩy mạnh phát triển công nghệ, xây dựng tiêu chuẩn quản lý phù hợp và đi theo con đường công nghiệp kiểu mới.

2. Chính sách và biện pháp chủ yếu

1. Khuyến khích phát triển lò khô mới quy mô lớn, xây dựng lò 4.000 tấn/ngày và lò khô mới loại lớn ở khu vực có điều kiện tốt và các khu vực phát triển, như ở phía tây và khu vực miền núi ở vùng duyên hải đông nam Trung Quốc, lò 2.000 tấn/ngày cũng trong phạm vi được hỗ trợ, cấm xây dựng dây chuyền 1.500 tấn/ngày hoặc dây chuyền sản xuất tương tự khác, ngoại trừ khu vực phía tây có dân cư thưa thớt.

2. Tăng cường tập trung sản xuất để hình thành các nhóm doanh nghiệp lớn nhằm hỗ trợ cho việc đầu tư đa vùng, bao gồm cả đầu tư ra nước ngoài.

Đồng thời, sự cạnh tranh quốc tế đã hỗ trợ cho các nhà máy xi măng quy mô trung bình ở tất cả các khu vực, tạo ra động lực phát triển cho kinh tế khu vực. Nhà nước tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tham gia tái cơ cấu ngành bằng hoạt động mua lại và sáp nhập, tạo đà cho quá trình cải tiến công nghệ và xây dựng lại theo chính sách công nghiệp mới.

3. Điều chỉnh việc phân bổ sức sản xuất, hỗ trợ xây dựng một loạt dây chuyền sản xuất công suất 4.000 tấn/ngày tại khu công nghiệp ở phía trung - tây và đông - bắc.

Trung Quốc đã công bố quyết định về cải cách hệ thống đầu tư vào ngày 18/7/2004, lập danh mục dự án đầu tư đã được chính phủ thông qua: trong đó các dự án xi măng phải được sở đầu tư địa phương kiểm tra và chấp thuận: Đây là một bước đột phá lớn từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc.

Nhà nước đã sử dụng các chính sách mạnh mẽ để hỗ trợ cho việc chuyển đổi cơ cấu ngành xi măng, có tác động sâu rộng đến từng doanh nghiệp trong ngành. Để các quyết định được thực thi tốt hơn, các bộ ngành liên quan đã soạn thảo ra một số quy định chi tiết, trong đó nội dung chính là: dự án đầu tư vào xi măng phải được cơ quan đầu tư của chính phủ ủng hộ và thông qua, ngoài các đánh giá tác động môi trường, cấp đất công nghiệp. Đồng thời, việc khai thác đá vôi phải được Cục Môi trường và Bộ Tài nguyên đất đai thông qua. Đối với các dự án nước ngoài thì phải tuân thủ các quy định trong danh mục hướng dẫn về đầu tư nước ngoài trong công nghiệp. Dự án ngoài hạn ngạch sẽ do Bộ Thương mại và Ủy ban Cải cách và Phát triển thông qua./.

CHƯƠNG 3: ĐIỀU CHỈNH, KIỂM SOÁT VĨ MÔ VÀ DỰ THẢO CHÍNH SÁCH

Niu Jianguo (3)

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- **Điểm mới của nền kinh tế TQ năm 2003**

- Tăng trưởng GDP 9,1%, mức cao nhất từ 1997 đến nay. Lần đầu tiên GDP/người đạt 1000USD.

- Nhập khẩu 85,12 tỷ USD tăng 37,1%; đứng thứ 4 trên thế giới.

- Đầu tư tài sản cố định tăng 26,7% cao nhất từ 1995 đến nay

- Công nghiệp tăng trưởng 12,6% trong đó công nghiệp quy mô lớn tăng 17%, mức cao nhất kể từ 1995 đến nay.

- Lợi nhuận của các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn đạt khoảng 875.200 triệu NDT, tăng 42,7%.

- **Khi nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, thì việc điều hành kinh tế thể hiện ở những mặt sau:**

- Quy mô đầu tư tài sản cố định quá lớn; tăng trưởng quá nhanh; cơ cấu đầu tư chưa hợp lý

- Ở những khu vực và ngành nghề chủ yếu thì việc đầu tư không hợp lý và vấn đề XD trình độ thấp lặp đi lặp lại là rất nghiêm trọng.

- Việc cung cấp than, điện và nước còn hạn chế; hoạt động kinh tế còn hạn hẹp

- Giá cả tiếp tục leo thang, sức ép lạm phát vẫn tăng.

- **Đầu tư**

Trên cơ sở tăng trưởng kinh tế năm 2003 là 26,7%, đầu tư vào tài sản cố định của xã hội tăng 43% trong quý I-2004, cao hơn 15,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Quý I, đầu tư cho những công trình trung ương tăng 4,8%, những công trình địa phương tăng 60,2%.

- Đến cuối năm 2003 những công trình đang XD chi phí khoảng 16 nghìn tỷ NDT. Hơn 19000 công trình mới đã được đưa vào XD trong quý I-2004.

- Năm 2003 đầu tư được duyệt chiếm 42,7% tổng GDP năm 2003, đạt gần mức kỷ lục.

- Thép, nhôm điện phân và xi măng

- Năm 2003, sản lượng thép tăng 21%, thép nhập khẩu tăng 51,8%, đầu tư tăng 96,6% và 3867 công trình đang xây dựng. Quý I năm 2004 đầu tư vào thép tăng 106,4%.

- Năm 2003, sản lượng nhôm điện phân tăng 27,6%, đầu tư tăng 93%. Lượng nhôm tiêu thụ là 11,68 triệu tấn trong đó có 5,61 triệu tấn nhập khẩu. Chi phí, bảo hiểm và cước phí cho nhôm tăng từ 160USD/tấn hồi đầu năm 2003, đến cuối năm 2003 tăng lên tới 450USD/tấn. Quý I -2004, sản lượng nhôm điện phân không được sử dụng tồn đọng khá lớn. Tuy nhiên, 3,1 triệu tấn công suất vẫn đang được xây dựng thêm.

- Năm 2003, sản lượng xi măng tăng khoảng 18,9%, đầu tư tăng 121,9%, 1307 công trình đang xây dựng. Quý I-2004 đầu tư xi măng tăng 117,5%.

- Than, điện, dầu và vận tải

- Năm 2003, sản lượng than thô là 1,667 tỷ tấn, tăng hơn 2002 là 217 triệu tấn (tương đương 15%). Quý IV việc cung cấp than trở nên hạn chế, nguồn dự trữ cho xã hội tiếp tục giảm; nguồn dự trữ than cho các nhà máy điện thấp hơn mức bình thường.

- Năm 2003, tổng điện năng là 191 triệu Kwh tăng hơn 2002 là 15,5%. Do tiêu thụ năng lượng công nghiệp tăng quá mức nên vấn đề thiếu hụt năng lượng cung cấp trở nên nghiêm trọng. Tổng cộng có 21 khu vực trong cả nước bị thiếu cung cấp năng lượng, tăng thêm 9 khu vực so với 2002. Đặc biệt khu vực thiếu nghiêm trọng là Đông và Trung Trung Quốc .

- Năm 2003, sản lượng dầu thô tăng 1,8%, nhập khẩu dầu thô tăng 31%. Một số tỉnh Nam Trung Quốc thiếu dầu diesel.

- Năm 2003, khối lượng vận chuyển đường sắt đạt 1,99 tỷ tấn, tăng 6,5% trong đó vận chuyển than đá 882 triệu tấn (tăng 7,7%), vận chuyển nông sản & sản phẩm chế biến, dầu và các nguyên liệu quan trọng khác tăng tương ứng là 22,3%, 8,3% và 4,5%.

- Khối lượng vận chuyển bằng đường thủy tăng 18,7%. Năng lực vận chuyển bằng đường sắt hết công suất hoặc quá tải. Quý I năm 2004, vận chuyển trung bình đạt 98 nghìn toa hàng/ngày mặc dù mới chỉ là đáp ứng 40% yêu cầu.

- Giá cả

- Mức giá chung các vật liệu sản xuất tăng 8,1% năm 2003 và quý I-2004 tăng 14,8%.

- Quý I-2004, giá nông sản tăng 20,7%. Giá tiêu dùng cá nhân tăng 2,8%.

- Năm 2003, các sản phẩm nguyên liệu như quặng sắt, nhôm, bông v.v... đã thúc đẩy giá cả quốc tế tăng và tạo nên sức ép lạm phát.

Mô hình tăng trưởng cần thay đổi

- Đầu tư mức cao
- Mức tiêu thụ cao
- Mức chất thải cao
- Sự đồng bộ hoá kém

Mức đầu tư cao - tăng trưởng kinh tế nhanh phụ thuộc mức độ mở rộng lớn, vốn đầu tư cơ bản lớn, nguồn nhân lực và tài nguyên.

- Từ khi thành lập Trung Quốc, GDP tăng hơn 10 lần, trong khi đó tiêu thụ than tăng hơn 40 lần.

Tiêu thụ lớn - tăng trưởng kinh tế nhanh phụ thuộc phần lớn vào mức tiêu thụ nguồn tài nguyên cao

So với thế giới, mức tiêu thụ năng lượng và vật liệu trung bình của Trung Quốc là quá cao.

- Tiêu thụ than cho nhiệt điện cao hơn mức thế giới 22,5%.
- Tiêu thụ năng lượng tổng cộng cho 1 tấn thép tại các nhà máy quy mô trung bình và lớn cao hơn 21%.
- Năng lượng tiêu thụ cho xi măng cao hơn 45%
- Năng lượng tiêu thụ cho etylen cao hơn 31%.

Tiêu thụ lớn thúc đẩy sự trao đổi - dẫn đến phát thải và ô nhiễm bụi nhiều

Mức chất thải của Trung Quốc cao hơn nhiều so với các nước phát triển. Cứ tăng 1% GDP thì nước thải tăng 4 lần cao hơn các nước phát triển. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 1% thì chất thải rắn lớn gấp 10 lần so với các nước phát triển.

Năm 2003, tổng lượng nước thải và chất thải công nghiệp là 4,53 tỷ tấn, trong đó 13,48 triệu tấn là chất hoá học đứng thứ nhất thế giới; chất dioxide lưu huỳnh là 21,2 triệu tấn cũng đứng đầu thế giới; phát thải CO₂ chỉ đứng thứ 2 sau Mỹ.

Đồng bộ hoá kém -những vấn đề tồn tại trong cơ cấu 3 ngành công nghiệp, cơ cấu công nghiệp nội địa, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, cơ cấu sản phẩm, cơ cấu công nghệ và phân phối năng lực sản xuất quan trọng.

Nông nghiệp: cơ sở yếu kém; những vấn đề cơ bản đã được giải quyết

Ngành công nghiệp dịch vụ: tương đối lạc hậu; GDP tăng chỉ chiếm 32,3% tổng mức tăng.

Công nghiệp: những ngành công nghiệp truyền thống và công nghiệp kỹ thuật thấp có giá trị thặng dư thấp vẫn chiếm ưu thế; trong khi ngành công nghiệp công nghệ cao phát triển tương đối chậm; trình độ sản xuất thiết bị phát triển chưa đủ.

Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp: còn dưới mức phát triển, phân công công việc chưa phát triển; sức mạnh công nghiệp chưa đủ.

II. CÁC BIỆN PHÁP

Những nguyên tắc kiểm soát vĩ mô: tạo dựng và áp dụng quan điểm phát triển khoa học một cách thấu đáo, bảo đảm hợp lý và có vai trò thúc đẩy toàn diện mọi lĩnh vực khác nhau; tăng cường cải cách; tối ưu hoá cơ cấu và gia tăng lợi nhuận; cố gắng phát triển kinh tế từng bước và nhanh chóng; tránh thăng trầm (tăng nhanh và sụt giảm nhanh).

Những điểm chính để kiểm soát vĩ mô: Kiểm soát mức tăng đầu tư, củng cố sự liên kết yếu kém giữa nông nghiệp và sản xuất ngũ cốc. Chú ý điều chỉnh và tối ưu hoá cơ cấu đầu tư, đưa ra hướng dẫn phù hợp, tránh sự “khập khễnh” hoặc “sự đồng bộ cứng nhắc”. Thúc đẩy cải cách đầu tư, tài chính, thuế bất động sản, giá cả, đất đai v.v... Thay đổi chức năng của chính phủ, bố trí thị trường sắp đặt các chức năng nguồn, sử dụng biện pháp kinh tế và pháp luật là chính để bảo đảm kiểm soát vĩ mô hiệu quả. Chú ý hơn nữa tới hình thức tăng trưởng kinh tế, nhấn mạnh thống nhất hóa về tốc độ, chất lượng và lợi nhuận, đưa ra đường lối phát triển tiết kiệm nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Những biện pháp chính để kiểm soát vĩ mô

- Tăng cường kiểm soát tài chính và quản lý tín dụng, kiểm soát mức tăng tiền gửi tại các ngân hàng;

- Tăng cường quản lý đất đai, tăng cường tổ chức lại thị trường đất đai;

- Giám sát những công trình đang xây dựng, kiểm soát chặt chẽ những công trình mới;

- Nghiêm khắc xử phạt những hành vi bất hợp pháp, củng cố hệ thống chức năng quản lý;

- Tăng cường hiện đại hoá hoạt động kinh tế, cải thiện cung - cầu về than, điện, dầu, vận tải và nguyên liệu quan trọng;

- Tăng sản lượng nông nghiệp và mùa vụ, cải thiện thị trường nông sản;

- Tăng cường kiểm soát thị trường và giám sát giá cả, bảo đảm đời sống cơ bản của người thu nhập thấp;

- Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng và xây dựng xã hội kinh tế.

III. HIỆU QUẢ

- 6 tháng đầu năm 2004 nền kinh tế quốc gia chuyển biến tốt

+ GDP tăng 9,7%;

+ Vụ nông nghiệp hè tăng 4,8%, lần đầu tiên sản lượng tăng trong 4 năm gần đây;

+ Xuất nhập khẩu tăng 39,1%;

+ Tổng vốn đầu tư tài sản cố định tăng 28,6%, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 4,4% so với quý I; Trong đó

Đầu tư luyện kim tăng 55,3%; mức tăng giảm hơn quý I là 52,5%

Đầu tư á kim tăng 41,3%; mức tăng giảm hơn quý I là 52,5%

Đầu tư VLXD tăng 53,8%, mức tăng giảm 62,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Kinh tế công nghiệp tiếp tục tăng nhanh

- + Thực hiện giá trị thặng dư của ngành công nghiệp quy mô lớn tăng 17,7%;
- + Thực hiện giá trị xuất khẩu của các tập đoàn công nghiệp tăng 32,2%;
- + Tốc độ tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp là 97,2% tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước.
- Cung cấp than, điện, dầu và vận tải đều tăng
 - + Sản lượng than thô tăng 14,9%;
 - + Năng lượng tăng 15,8%;
 - + Sản lượng dầu thô tăng 1,9%;
 - + Vận chuyển bằng đường sắt tăng 8,7%.
- Xu hướng mở rộng các ngành công nghiệp cơ bản được nâng cao
 - + Tháng 6, sản lượng thép thô tụt giảm từ 26,4% (quý I) xuống 13,8%;
 - + Về nhôm điện phân, sản lượng bị giảm 9,2% so với quý I cùng kỳ năm trước;
 - + Sản lượng xi măng giảm 10,6% so với quý I cùng kỳ.
- Kiểm soát được mức phát triển nhanh vật liệu cho các ngành sản xuất chính
 - + Đến cuối tháng 6-2004, giá thép thanh và thép cuộn vẫn ở mức cao nhất như tháng 3.
 - + Giá xi măng giảm; giá kính thủy tinh cũng giảm trong mấy tháng qua.
- Tình hình sản xuất vẫn ổn định cho các sản phẩm tiêu dùng (may mặc, công nghiệp nhẹ v.v...)
 - + Đối với công nghiệp nhẹ, tình hình sản xuất có lạc quan; một khối lượng lớn sản phẩm được tiêu thụ mạnh.
- Điều chỉnh cơ cấu đưa lại những kết quả sau:
 - + Những khu vực như Zhejiang, Su'nan, Wannan là những nơi được đầu tư nhiều trong năm 2003, tình trạng đầu tư không rõ ràng đã được kiểm soát
 - + Hạn chế công nghệ sản xuất nhôm điện phân tốn nhiều năng lượng và gây ô nhiễm.

IV. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN XI MĂNG THÍCH HỢP

- Những kiến nghị điều chỉnh lại cơ cấu của công nghiệp xi măng và ngăn chặn đầu tư không rõ ràng

Đồng ý phát triển xi măng NSP, đặc biệt ủng hộ xây dựng các cơ sở sản xuất clinke NSP 4000t/ngày, khuyến khích chính quyền địa phương và các doanh nghiệp phát triển xi măng NSP bỏ qua sản xuất lạc hậu.

- Quyết định của Hội đồng Nhà nước về cải cách hệ thống đầu tư

+ Cải cách hệ thống phê duyệt dự án đầu tư, trao quyền tự quyết định đầu tư cho doanh nghiệp;

+ Điều chỉnh hệ thống tiêu chuẩn của chính phủ bằng cách nâng cao quyền thực thi;

+ Mở rộng quyền quyết định đầu tư của các tập đoàn lớn;

+ Khuyến khích đầu tư của xã hội;

+ Tiếp tục tăng các kênh đầu tư đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp;

+ Điều chỉnh hành vi đầu tư của doanh nghiệp.

Hướng dẫn cho các dự án đầu tư do chính phủ phê duyệt: Trừ các dự án xi măng đã bị đình chỉ, những dự án khác phải được chính quyền địa phương xét duyệt.

- Thông tư về Cải thiện chính sách công nghiệp và tín dụng để kiểm soát rủi ro tiền tệ (Fagaichanye (2004) 746)

+ Loại trừ triệt để và ngừng hẳn những dự án đã bị cấm; tất cả các tổ chức tài chính phải dừng cung cấp tài chính cho các dự án này dưới bất cứ hình thức nào; ngân hàng tín dụng phải có những biện pháp thích hợp để thu hồi vốn đầu tư.

+ Đối với những dự án có giới hạn hạng mục, các tổ chức đầu tư phải dừng xét duyệt; những dự án sẽ xây dựng phải huỷ bỏ; những dự án đã xây dựng phải dừng lại, các cơ quan đầu tư sẽ xem xét và giải quyết.

- Thông tư về Cải thiện chính sách công nghiệp và tín dụng để kiểm soát rủi ro tiền tệ (Fagaichanye (2004) 746)

Hướng dẫn đối với những dự án xi măng qui mô nhỏ

Cấm:

Loại lò đứng đường kính từ 2,2m trở xuống ; lò chân không công nghệ khô đường kính từ 2,5m trở xuống (trừ xi măng đặc biệt); máy nghiền xi măng từ đường kính 1,83m trở xuống; lò nung đất sét, lò đứng thông thường.

Hạn chế:

Xây dựng hoặc mở rộng lò đứng cơ giới hoá, lò chân không công nghệ khô, lò Lipol, lò ướt; xây dựng dây chuyền sản xuất NSP công suất từ 1500t/ngày trở xuống.

- Những chính sách của Uỷ ban Cải cách và Phát triển quốc gia về thép, nhôm điện phân, xi măng và các ngành công nghiệp khác

Nhà nước sẽ phê duyệt đầu tư đối với các dự án xi măng công suất trên 4000t/ngày; những dự án công suất 2000t/ngày ở khu vực Tây Trung Quốc đáp ứng chính sách công nghiệp quốc gia và quy chế phát triển sau khi chính quyền các tỉnh thẩm tra.

Các dự án NSP công suất dưới 1500t/ngày đang được xây dựng, sau khi chính quyền các tỉnh thẩm định sẽ được Uỷ ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phê duyệt.

Đối với xi măng lò đứng và lò quay khác và những dự án khác đã bị cấm, phải lập tức ngừng xây dựng; cơ quan kiểm tra chất lượng sẽ không cấp giấy phép sản xuất và sẽ xử lý theo pháp luật và quy chế.

CHƯƠNG 4: CÔNG NGHIỆP XI MĂNG TRUNG QUỐC, NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI TRONG THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

Johannes Neubacher (4)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN HỢP QUỐC (UNIDO)

- UNIDO được thành lập năm 1966.
- Là cơ quan chuyên ngành của LHQ kể từ năm 1985.
- Nhiệm vụ: Theo dõi về sự gia tăng mức nghèo khổ do tăng sản lượng ở các nước có nền kinh tế quá độ (việc làm có năng suất, nền kinh tế cạnh tranh, môi trường cải thiện).
- 171 nước thành viên.
- UNIDO là một tổ chức độc lập, đa phương và đã thực hiện thành công trên 10.000 dự án phát triển thông qua việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến đầu tư.
- UNIDO giúp đỡ tiếp cận với các nhu cầu về kỹ thuật và tài chính của các nước đang phát triển (ĐPT) và các quốc gia có nền kinh tế quá độ nhằm đạt tới mục tiêu phát triển bền vững. Các chương trình phục vụ của UNIDO còn bao hàm thêm các lĩnh vực sau: bảo vệ môi trường, nông nghiệp, chế biến sản phẩm nông nghiệp, y tế và du lịch.

II. UNIDO ITPO- TRUNG QUỐC

UNIDO ITPO- Trung Quốc là Văn phòng đại diện của UNIDO tại Trung Quốc được hưởng quy chế ngoại giao. Mục tiêu là:

- Thúc đẩy sự phát triển và quốc tế hoá nền công nghiệp Trung Quốc theo phương châm hướng tới phát triển bền vững;
- Cung cấp cho lĩnh vực công nghiệp của Trung Quốc (quốc doanh và tư nhân) sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính, giúp đỡ phát triển thương mại và đầu tư thông qua việc cung cấp hàng loạt các dịch vụ và phương tiện;
- Sử dụng trang WEB toàn cầu về đầu tư của UNIDO và Các văn phòng xúc tiến kỹ thuật nhằm tăng thêm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Trung Quốc và ngược lại, xúc tiến đầu tư của các công ty Trung Quốc ra nước ngoài;

- Xúc tiến việc ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp Trung Quốc.

III. SẢN XUẤT XI MĂNG THEO CÁC KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN 1998- 2003 (BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG) NGUỒN: CEMBUREAU, 2004.

IV. SẢN XUẤT XI MĂNG NĂM 2003 PHÂN THEO CÁC KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI

- Châu Á: 67%(TQ- 63%, Ấn Độ- 9%, các nước châu Á khác- 23%)
- Châu Âu: 14%
- Châu Mỹ: 13%
- CIS: 3%
- Châu Phi: 4%
- Châu Đại dương: 0,5%
- Sản lượng xi măng toàn thế giới: 1,94 tỷ tấn (2003)

Các hãng sản xuất xi măng dẫn đầu thế giới năm 2003 chiếm 42% sản lượng xi măng thế giới (nguồn: CEMBUREAU, 2004)

V. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH XI MĂNG TRUNG QUỐC HIỆN NAY

- Trung Quốc là nước sản xuất xi măng lớn nhất và phát triển nhanh nhất thế giới. Sản lượng xi măng của TQ năm 2003 đạt 863 triệu tấn, mức tăng trưởng hàng năm đạt khoảng 9% và từ năm 2002 tăng 18,9% hàng năm.

- Là lĩnh vực bị phân tán và chi phối cao bởi tiêu chuẩn quốc tế, mặc dù chính sách hội nhập của Chính phủ đã được bắt đầu từ năm 1990.

- Thế áp đảo của các nhà máy xi măng lò đứng đã dẫn đến một loạt vấn đề trong đó có cấp độ chất lượng xi măng thấp, lợi nhuận kém và phát thải bụi quá mức ra môi trường.

- Sản lượng xi măng Trung Quốc giai đoạn 1980-2003 (biểu đồ, Nguồn: CEMBUREAU 2004)

- Sự biến động sản lượng xi măng các nước giai đoạn 1998-2003 (biểu đồ, nguồn: CEMBUREAU 2004)

- Đầu tư cho lĩnh vực xi măng của Trung Quốc: Mức đầu tư hiện nay cho công nghiệp xi măng Trung Quốc rất cao. Trong năm 2003, đầu tư trong lĩnh vực này tăng 121%, tăng nhanh hơn bất kỳ lĩnh vực công nghiệp nào của Trung Quốc.

- Thị trường phân tán cao:

- Lĩnh vực kỹ thuật:

+ Ngành đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong các phương pháp sản xuất khô và các công nghệ sản xuất hiện đại, gồm các chủng loại xi măng sản xuất theo công nghệ NSP và công nghệ tiên tiến sản xuất xi măng lò quay.

+ Tuy nhiên, do mức độ phân tán cao trong khu vực xi măng lò đứng vẫn chiếm tới 70% tổng sản lượng xi măng Trung Quốc và chỉ có 17% được sản xuất bằng các lò đạt tiêu chuẩn quốc tế.

+ Các nhà máy xi măng lò đứng có lợi nhuận thấp, phát thải bụi môi trường cao và đe dọa tương lai phát triển bền vững của ngành công nghiệp.

- Phân tích SWOT ngành Công nghiệp xi măng Trung Quốc:

+ **Những điểm mạnh:** 1. Chi phí đầu tư thấp ở TQ

2. Chi phí lao động thấp

3. Thị trường trong nước lớn

4. Mức đầu tư cao trong công nghiệp xi măng.

- + Những điểm yếu:**
1. Mức độ phân tán cao và tổ chức cơ cấu kém
 2. Chiếm áp đảo là các công nghệ lò đứng lạc hậu
 3. Tiêu hao năng lượng và phát thải bụi cao
 4. Cấp bậc chất lượng xi măng kém
 5. Mức lợi nhuận thấp.

- + Những cơ hội:**
1. Sáp nhập và chuyển hướng cơ cấu
 2. Đầu tư nước ngoài tăng
 3. Xi măng khối lớn (vận chuyển, tiêu thụ)
 4. Sử dụng các nhiên liệu và nguyên liệu kết hợp
 5. Có sự quan tâm đáng kể cải thiện các chỉ tiêu kinh tế và môi trường.

- + Những mối đe dọa:**
1. Nguồn nguyên liệu đá vôi cạn kiệt dần
 2. Cạn kiệt nguồn nhiệt năng
 3. Các vật liệu xây dựng kết hợp
 4. Tăng chi phí năng lượng, vận tải và nguyên liệu.

Sự sáp nhập: Sáp nhập là phù hợp đối với việc hiện đại hoá và phát triển bền vững trong tương lai của công nghiệp xi măng Trung Quốc. Việc đổi mới trong ngành cần phải tiếp tục những mục tiêu sau:

1. Tăng tỷ lệ các doanh nghiệp xi măng lớn và tiên tiến với năng lực sản xuất của các nhà máy đạt trên 4000 tấn/ngày;
2. Giảm tỷ lệ các nhà máy xi măng lò đứng kỹ thuật lạc hậu và không hiệu quả năng lượng, dẫn tới đe dọa sự phát triển bền vững của ngành;
3. Thu hút các công ty đa quốc gia (MNC) có trình độ tiên tiến vào lĩnh vực xi măng và giảm rào cản đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).
4. Tăng tỷ lệ các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào thị trường cạnh tranh.

Các nhiên liệu và nguyên liệu kết hợp:

1. Việc sử dụng nhiên liệu kết hợp (thay thế than): Lốp ô tô, dăm gỗ, RDF.v.v.

2. Các loại xi măng hỗn hợp (thay thế clinke): Xi và tro bay. Sự thay thế clinke trở nên ngày càng quan trọng vì trữ lượng đá vôi của Trung Quốc đã cạn kiệt.

Giải pháp bền vững:

- Giảm tiêu hao nguyên liệu
- Giảm việc sử dụng đất
- Giảm phát thải CO₂
- Các chi phí sản xuất giảm

Các mục tiêu của UNIDO:

- Xúc tiến phát triển công nghiệp của ngành công nghiệp xi măng TQ nhằm đảm bảo thực hiện các nguyên tắc phát triển bền vững;

- Kích thích hiện đại hoá công nghiệp xi măng TQ bằng việc hỗ trợ kỹ thuật tiên tiến và sáp nhập cơ cấu tổ chức;

- Khuyến khích việc sử dụng các nhiên liệu và nguyên liệu thay thế và tái chế.

Sự hỗ trợ của UNIDO: UNIDO có thể tăng cường hiện đại hoá và quốc tế hóa công nghiệp xi măng của TQ thông qua:

1. Các dự án cải tiến phát triển các công nghệ sản xuất bền vững tối ưu;

2. Khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI);

3. Hỗ trợ đầu tư lấy từ các doanh nghiệp xi măng có tiềm năng nhất của TQ.

Vai trò của UNIDO ở cấp vận hành:

1. Phân công các tổ công tác tới xúc tiến các dự án phát triển có hiệu quả;

2. Phát triển đầu tư, thương mại, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ trong việc lựa chọn các đối tác phù hợp;

3. Giúp đỡ vượt qua những rào cản với chính quyền trung ương, địa phương và các viện nghiên cứu./.

CHƯƠNG 5: CÔNG NGHIỆP XI MĂNG TRUNG QUỐC ĐANG ĐIỀU CHỈNH LẠI CƠ CẤU

Công nghiệp xi măng Trung Quốc được hình thành từ cuối thế kỷ 19. Do chính sách mở cửa và cải cách kinh tế năm 1978 của đất nước, nên công nghiệp xi măng Trung Quốc có bước phát triển rất nhanh. Rất nhiều nhà máy xi măng với các loại công nghệ sản xuất khác nhau đã được xây dựng ồ ạt. Từ năm 1985, Trung Quốc đã trở thành nước sản xuất xi măng lớn nhất thế giới. Việc mở rộng quy mô sản xuất không những đã chuyển thị trường xi măng Trung Quốc từ trạng thái thiếu sang thừa, mà còn tạo ra một cơ cấu công nghiệp không thích hợp. Cơ cấu này đã gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng như: sự không hài hoà giữa phát triển kinh tế và xã hội, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phân bổ, sử dụng tài nguyên không hiệu quả và lợi nhuận công nghiệp thấp.

Yêu cầu phát triển bền vững công nghiệp xi măng Trung Quốc đang là một thách thức to lớn đối với công nghiệp và môi trường. Từ năm 1996 các cơ quan nhà nước Trung Quốc đã ban hành một quy định về tập trung sản xuất xi măng theo công nghệ lò tiền nung (precalciner process) và loại bỏ các công nghệ lạc hậu. Quy định này là động lực để cơ cấu lại công nghiệp xi măng và thời gian qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng công nghiệp xi măng Trung Quốc đã đạt được những thành tựu lớn.

1. Các nhà máy xi măng và sản lượng

Từ nhiều năm nay sản lượng xi măng Trung Quốc tăng nhanh. Từ những năm 1990 đến nay là thời kỳ sản lượng gia tăng mạnh nhất. Trong 2 năm, từ năm 2001 đến cuối năm 2002, có 107 dây chuyền lò tiền nung được đưa vào sản xuất, đã đưa tổng công suất xi măng lên 820 triệu tấn/năm và tổng lượng xi măng đạt 705 triệu tấn, gấp 10 lần so với năm 1978 và tăng 26% so với năm 1999.

Sự phát triển đặc biệt lớn mạnh ở các tỉnh miền Đông và các tỉnh ven biển như Jiangsu, Zhejiang, Shandong và Guangdong.

Theo số liệu gần đúng, thì đến cuối năm 2002, Trung Quốc có khoảng trên 6000 nhà máy xi măng. Nhìn chung các nhà máy có quy mô nhỏ với công suất trung bình khoảng 120.000 tấn/năm, tuy nhiên một số nhà máy có quy mô lớn đã và đang được vận hành. Năm 2002 những nhà máy có công suất trên 200.000 tấn/năm đã sản xuất ra khối lượng xi măng bằng 48% tổng sản lượng, tăng 29% so với năm 1990.

Số liệu này đã cho thấy hiệu quả của việc đổi mới công nghệ và những cố gắng trong chính sách loại bỏ những lò nhỏ, lạc hậu. Từ năm 1996 đã có 3.900 lò đứng mini với tổng công suất 95 triệu tấn đã phải ngừng hoạt động, trong khi đó sản lượng từ các lò tiên nung đã tăng lên 80 triệu tấn. Mặt khác, nhiều nhà máy hiện hành cũng cải tạo, đổi mới công nghệ để tăng sản lượng. Hiện nay, Trung Quốc đã có trên 20 nhà máy xi măng với công suất từ 2 đến 3 triệu tấn/năm.

2. Sản phẩm

Căn cứ vào tiêu chuẩn thử cường độ, sản phẩm xi măng Trung Quốc có 3 loại cấp độ, cấp thấp 32,5, cấp trung bình 42,5 và cấp cao 52,5. Sản phẩm xi măng được phân loại thành xi măng thông thường và xi măng đặc chủng. Xi măng thông thường bao gồm xi măng poocăng và xi măng pha trộn (xi măng hỗn hợp). Xi măng trắng, xi măng giếng dầu và xi măng có cường độ cao và sớm, được coi là xi măng đặc chủng. Xi măng được lưu thông trong bao bì hoặc ở thể rời.

Theo các số liệu thống kê cho đến cuối những năm 1990, thì xi măng có cấp độ trung bình chiếm khoảng 60%; xi măng có cấp độ cao chiếm dưới 20%. Tuy nhiên, do nhu cầu về vật liệu xây dựng chất lượng cao nên từ năm 1997 sản lượng xi măng có cấp độ cao đang tăng dần ở khắp Trung Quốc. Loại xi măng cấp độ thấp chủ yếu do các cơ sở xi măng lò đứng và lò quay thế hệ cũ, lạc hậu sản xuất.

Xi măng Trung Quốc chủ yếu là loại xi măng thông thường, nhưng một khối lượng lớn là xi măng pha trộn (xi măng hỗn hợp) có pha tới 15-50% phụ gia bao gồm: xỉ lò cao, tro xỉ, các phế thải của mỏ than và các vật liệu phế thải khác. Do chiến lược giảm thiểu sử dụng nguyên liệu và ảnh hưởng tới môi trường, nên chính phủ khuyến khích sản xuất các loại xi măng hỗn hợp. Sản xuất các loại xi măng đặc chủng khoảng 3%, dự báo trong tương lai sẽ gia tăng.

Việc sử dụng rộng rãi các xi măng rời sẽ tiết kiệm các nguồn nguyên liệu, bảo vệ môi trường, kích thích hiện đại hoá xây dựng. Chính phủ Trung ương khuyến khích sử dụng xi măng rời. Tuy nhiên, do thiếu phương tiện vận tải xi măng rời và tính thuận tiện sử dụng xi măng bao cho các quy mô xây dựng nhỏ, nên việc sử dụng xi măng rời tiến triển còn chậm chạp, mới chiếm khoảng dưới 30% tổng sản phẩm lưu thông.

3. Quyền sở hữu

Các xí nghiệp xi măng Trung Quốc được chính thức phân loại thành các khu vực: Khu vực sở hữu Nhà nước (SOEs- chính quyền địa phương quản lý), khu vực sở hữu tư nhân nước ngoài, sở hữu tư nhân và tư bản trong nước. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ thì trong những năm qua, số lượng các xí nghiệp thuộc sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước tiếp tục giảm, trong khi đó xí nghiệp thuộc các sở hữu khác đều tăng. Số lượng các xí nghiệp thuộc sở hữu tư bản

trong nước năm 2002 đứng đầu các loại sở hữu và là năm đầu tiên vượt cả loại sở hữu tập thể. Số liệu trên cho thấy, sự cải cách về quyền sở hữu đang được thực hiện, trong đó vốn đầu tư của nước ngoài và đầu tư của tư nhân trong nước đã trở thành động lực, thông qua việc liên kết mở rộng, đặc biệt đối với các xí nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước. Chính phủ Trung Quốc khuyến khích các xí nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước thực hiện cổ phần hoá thông qua việc bán cổ phần, liên doanh hoặc niêm yết bán cổ phiếu trên thị trường.

Một số xí nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước liên kết lại thành các tổng công ty theo xu hướng hình thành các tập đoàn, giống như các tập đoàn sản xuất xi măng lớn của các nước. Ví dụ, tập đoàn xi măng CONCH, một công ty mẹ thuộc sở hữu Nhà nước, sau khi sát nhập một số công ty nhà nước năm 1997, đã trở thành nhà sản xuất xi măng lớn nhất của công nghiệp xi măng Trung Quốc.

4. Công nghệ

Công nghiệp xi măng Trung Quốc quản lý một hỗn hợp phức tạp các loại lò quay khác nhau và lò đứng, vừa có công nghệ hiện đại vừa có công nghệ lạc hậu cùng song song tồn tại. Có thời kỳ lò đứng chiếm ưu thế trong công nghiệp xi măng Trung Quốc. So với lò tiền nung thì lò đứng cũng như lò quay có đặc điểm là năng suất thấp, chất lượng thấp và vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Do đó mà lò tiền nung và lò đứng công nghệ hiện đại phát triển nhanh, mạnh, trong khi các lò đứng thông thường bị giảm đi. Tuy nhiên các lò đứng cơ khí hoá và các loại lò nung khác vẫn chưa thay đổi bao giờ.

Công nghệ lò tiền nung đã có ở Trung Quốc khoảng 30 năm nay kể từ khi nhà máy xi măng Jidong tiếp nhận từ các nước phát triển. Cho đến cuối năm 2002, Trung Quốc đã xây dựng 245 dây chuyền sản xuất lò tiền nung với tổng công suất khoảng 141 triệu tấn clinke. Trong số các dây chuyền này có 4 dây chuyền có công suất trên 7000T/ngày. Sự đổi mới công nghệ trong những năm qua bao gồm việc nội địa hoá sản xuất thiết bị nên đã hạ giá thành thiết bị tiền nung.

Tập đoàn xi măng Conch đã đưa vào vận hành thành công một dây chuyền sản xuất mới có công suất 5600T/ngày tại thành phố Tongling thuộc tỉnh Anhui tháng 3/2002. Dây chuyền này là kết quả nghiên cứu khoa học phát triển của Trung Quốc (Know - how) và lắp đặt hoàn toàn bằng thiết bị nội địa. Vốn đầu tư dây chuyền này đạt mức thấp kỷ lục là 256 triệu nhân dân tệ. Các thông số kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế mới nhất. Tập đoàn xi măng Conch đang có kế hoạch xây dựng 3 dây chuyền lò tiền nung khác có công suất 10.000T/ngày tại tỉnh Anhui vào năm 2003.

5. Ô nhiễm

Năm 2002 công nghiệp xi măng Trung Quốc thải ra khoảng 8 triệu tấn bụi, chiếm khoảng 40% lượng bụi toàn quốc, và khoảng 600 triệu tấn CO₂, NO₂ và SO₂, chủ yếu là CO₂. Cứ sản xuất 1 tấn clinke thì thải ra khoảng 1 tấn CO₂.

Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nhất là các nhà máy xi măng nhỏ với lò đứng.

Nhìn chung, chỉ các nhà máy quy mô lớn và trung bình mới có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường còn các cơ sở xi măng lò đứng thì không có thiết bị giảm ô nhiễm. Giá bán thấp là vũ khí duy nhất để các cơ sở xi măng nhỏ có lò đứng cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn.

Chùng nào chưa xoá bỏ được phần lớn các lò đứng cỡ nhỏ thì Trung Quốc còn phải đối mặt với vấn đề môi trường khắc nghiệt trong những năm tới.

6. Sử dụng nhiều năng lượng

Sử dụng năng lượng trung bình của công nghiệp xi măng Trung Quốc là 1.130kcal/kg xi măng, cao hơn ở các nước phát triển là 20%. Đối với các lò tiền nung, tiêu hao trung bình là 950kcal/kg clinke. Với những dây chuyền lò tiền nung mới xây dựng với công suất từ 2000T/ngày trở lên, tiêu hao nhiên liệu vào khoảng 750 kcal/kg clinke, ngang bằng với mức của các nước phát triển. Các lò đứng cơ khí hoá có mức tiêu hao trung bình là 1000 kcal/kg clinke, cao hơn mức của lò tiền nung.

Tăng mức tự động hoá và lắp đặt các thiết bị kiểm tra độ ô nhiễm thường làm tăng mức tiêu hao điện.

Nhìn chung, trong công nghiệp xi măng, chi phí năng lượng chiếm khoảng 50% tổng chi phí sản xuất.

7. Thị trường

Trung Quốc là nước sản xuất xi măng lớn nhất, chiếm 1/3 tổng sản lượng xi măng thế giới. Hầu như toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ trong nước, cũng vì vậy thị trường xi măng Trung Quốc cũng là thị trường lớn nhất thế giới. Từ cuối những năm 1990, xây dựng bùng nổ đã gia tăng nhu cầu xi măng, kỷ lục là 660 triệu tấn năm 2002, tăng 8% so với năm 2001.

Từ năm 1995, sản lượng gia tăng đã dẫn tới cung lớn hơn cầu trên thị trường. Điều này chủ yếu là xi măng cấp độ trung bình và cấp độ thấp, phần lớn thuộc về lò đứng và lò quay lạc hậu. Cũng chính loại xi măng này có giá bán thấp đã cạnh tranh với các loại xi măng khác.

Cùng với sự phát triển ổn định của kinh tế Trung Quốc và mức sống của nhân dân ngày càng nâng cao, các quy định về xây dựng đã được xiết chặt lại từ cuối những năm 1990. Do đó, nhu cầu xi măng có cấp độ cao ngày càng gia tăng và các nhà đầu tư đã yêu cầu dùng xi măng cấp độ cao sản xuất từ các dây chuyền lò tiền nung.

Nhu cầu thị trường ở Trung Quốc khác biệt nhau theo địa lý bởi trình độ phát triển kinh tế. Thị trường chủ yếu chiếm trên 60% thuộc về các vùng phát triển phía đông như Quảng Đông, Zhejiang, Jiangsu và Shangdong. Thị trường xi măng mang tính tại chỗ rất cao, phần lớn các nhà cung ứng đều ở gần trung

tâm thị trường vì chế độ bảo hộ địa phương và vì tăng chi phí vận tải nếu cung ứng tới những thị trường xa.

8. Cơ cấu lại công nghiệp xi măng

Hiện nay Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn quá độ từ nền kinh tế hướng theo kế hoạch sang nền kinh tế hướng theo thị trường, do vậy việc điều chỉnh các chính sách kinh tế và quản lý hành chính của chính phủ đối với các doanh nghiệp vẫn có vai trò quan trọng.

Những năm gần đây, các cơ quan chính phủ Trung Quốc đã ban hành một loạt chính sách và luật để cơ cấu lại công nghiệp xi măng theo hướng phát triển ổn định bền vững.

Nguyên tắc chiến lược phát triển công nghiệp xi măng Trung Quốc trong giai đoạn 1995-2030 được nêu lên như sau: “Đổi mới công nghệ và thiết bị là động lực chủ yếu để nâng cao vị thế công nghiệp xi măng từ một ngành rộng lớn lên một ngành công nghiệp mạnh”.

Chính sách phát triển công nghiệp xi măng Trung Quốc tập trung vào các biện pháp liên quan đến phát triển bền vững và đổi mới công nghệ.

Loại lò tiên nung phải là công nghệ chủ đạo của công nghiệp xi măng và công nghệ lạc hậu phải đồng thời được loại bỏ.

Lò tiên nung được bắt buộc áp dụng đối với các dự án xi măng quy mô vừa và lớn (từ 2000T/ngày trở lên). Các lò đứng có đường kính nhỏ hơn 2,2m hoặc nhỏ hơn sẽ phải loại bỏ. Sản xuất và sử dụng xi măng rời được khuyến khích ủng hộ để đạt tới 30% tổng sản lượng xi măng. Sẽ có những biện pháp mạnh mẽ yêu cầu áp dụng công nghệ sản xuất sạch, bảo vệ môi trường, giảm thiểu tiêu hao năng lượng.

Có nhiều quy định để thu hút khuyến khích đầu tư nước ngoài vào những dự án lò tiên nung có công suất từ 2000T/ngày trở lên. Các công ty nước ngoài, đặc biệt các tập đoàn đa quốc gia được khuyến khích tham gia vào việc cơ cấu lại hoặc đổi mới các công ty thuộc sở hữu Nhà nước.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã sửa đổi và hoàn chỉnh một số đạo luật liên quan tới phát triển bền vững như: Luật Bảo vệ môi trường Trung Quốc, Luật Bảo tồn năng lượng... Đặc biệt tiêu chuẩn quốc gia về xi măng đã được sửa đổi và thực hiện từ năm 2001, đã xoá bỏ thị trường xi măng phi tiêu chuẩn. Những điều này đã tạo điều kiện thực hiện các chính sách công nghiệp thông qua con đường luật pháp.

Như đã nêu trên, việc áp dụng thực hiện các chính sách và luật này đã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển công nghiệp xi măng. Tuy nhiên, cần nhắc tới sự đóng góp tài chính (thuế doanh thu) của các công ty xi măng quy mô nhỏ, chính quyền địa phương vẫn cố gắng tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất của những công ty này dưới sự uỷ thác của họ. Việc lấp đặt những

thiết bị tiên tiến để bảo vệ môi trường là không dễ dàng về mặt kinh tế đối với tất cả các xí nghiệp. Vì vậy, điều này trong chừng mực nào đó cũng làm chậm trễ quá trình thực hiện chính sách của Chính phủ Trung ương ở một vài nơi của Trung Quốc.

9. Hướng tới sự phát triển bền vững

Trong những năm tới, dự báo kinh tế Trung Quốc vẫn giữ mức phát triển khoảng 7% hoặc hơn nữa. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng được coi là phong vũ biểu của kinh tế Trung Quốc, sẽ tiếp tục đạt tới tổng mức đầu tư 660-720 tỷ nhân dân tệ trong thời kỳ 2001-2005. Lĩnh vực bất động sản cũng vận hành một cách lành mạnh. Theo thông báo gần đây, 2 ngành: xây dựng cơ bản hạ tầng và ngành bất động sản sẽ tiêu thụ 55% nhu cầu xi măng. Do đó thị trường xi măng vẫn trong thời kỳ thịnh vượng. Theo dự báo, nhu cầu xi măng sẽ gia tăng ổn định với tốc độ 3%/năm trong những năm tới. Xu hướng sử dụng xi măng cấp độ cao sẽ gia tăng tùy thuộc vào việc nâng cấp tiêu chuẩn xây dựng và áp dụng các quy định trong công nghiệp xi măng.

Cũng theo dự báo của Viện Chiến lược phát triển Trung Quốc về công nghiệp vật liệu xây dựng thì sản lượng xi măng tiếp tục tăng, nhưng tốc độ sẽ thấp hơn. Bộ phận lò tiền nung sẽ bước vào giai đoạn phát triển bùng nổ trong tương lai gần, nếu chính sách của Chính phủ được triển khai mạnh mẽ. Tổng công suất của loại lò tiền nung dự kiến sẽ đạt 240 triệu tấn vào năm 2005, các loại lò khác như lò đứng cơ khí và lò đứng hiện đại sẽ tiếp tục tăng trưởng sản lượng đáp ứng nhu cầu. Việc sử dụng các loại lò đứng nhỏ và lò quay lạc hậu (đặc biệt lò quay phương pháp ướt) sẽ giảm dần. Dự kiến cuối năm 2005, khoảng 60 triệu tấn công suất các lò lạc hậu sẽ bị giải thể.

Công nghiệp xi măng được liệt kê như một trong các ngành công nghiệp quan trọng được Nhà nước quan tâm cải tổ cơ cấu, đặc biệt Nhà nước ưu tiên phát triển các công ty lớn, tạo động lực cho quá trình cơ cấu lại. Ngành xi măng đang ở vị trí thịnh vượng, bền vững đối với thị trường chứng khoán. Đây là một cơ hội lớn cho các công ty mở rộng kinh doanh bằng cách liên kết, sáp nhập xây dựng, cải tạo và hội nhập thị trường.

Nhiều công ty nước ngoài và trong nước sẽ đầu tư vào các nhà máy lớn có công nghệ hiện đại. Trung Quốc cũng đã khởi sự một chương trình sử dụng nhiên liệu thay thế trong việc chuyển đổi lò nung clinke, cải thiện điều kiện môi trường, sử dụng vật liệu phế thải tái sinh như nguồn nguyên nhiên liệu.

Do tính phức tạp về quyền sở hữu, công nghệ, tài chính và tính bảo hộ của địa phương... nên sẽ là không thực tế nếu cho rằng sự cơ cấu lại một ngành công nghiệp sẽ hoàn thành trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, vận động theo xu hướng phát triển bền vững, công nghiệp xi măng Trung Quốc sẽ đóng một vai trò quan trọng hơn đối với kinh tế Trung Quốc cũng như đối với công nghiệp xi măng toàn cầu.

CHƯƠNG 6: XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NỀN CÔNG NGHIỆP XI MĂNG TRUNG QUỐC

Trung Quốc là nước sản xuất xi măng lớn nhất, chiếm tới 1/3 tổng sản lượng xi măng của toàn thế giới. Trong 2 năm 2001 và 2002, có 107 dây chuyền mới, tiên tiến xi măng lò quay buồng phân huỷ đã đi vào sản xuất, nâng tổng công suất thiết kế của các nhà máy xi măng của Trung Quốc lên tới 820 triệu tấn/năm. Cuối năm 2002 sản lượng xi măng sản xuất được đạt 705 triệu tấn, tăng gấp 10 lần so với năm 1978 và tăng 26% so với năm 1999. Mức tăng trưởng mạnh này đặc biệt phát triển mạnh ở các tỉnh ven biển và tỉnh miền đông Trung Quốc. Nền công nghiệp xi măng của Trung Quốc được tổ hợp từ các nhà máy xi măng với các loại lò quay khác nhau và các nhà máy xi măng lò đứng, được đặc trưng sản xuất xi măng bằng cả công nghệ tiên tiến và công nghệ cũ lạc hậu cùng song song tồn tại. Theo thống kê tới cuối năm 2002 Trung Quốc có hơn 6.000 nhà máy xi măng, trong đó chiếm phần lớn là các nhà máy xi măng lò đứng với công suất trung bình 120.000 tấn xi măng/năm. Tuy nhiên ngưỡng công suất trung bình của các nhà máy cũng đã được nâng lên đáng kể. Trong năm 2002 các nhà máy xi măng có công suất trung bình 200.000 tấn xi măng/năm đã sản xuất lượng xi măng hơn 48% sản lượng xi măng của cả nước, tăng 29% so với cuối năm 1990. Trong bảng 1 là tỷ lệ sản lượng xi măng được các nhà máy xi măng có công nghệ khác nhau sản xuất trong năm 2002.

	Loại lò nung xi măng trong nhà máy	Tỷ lệ sản lượng xi măng, %
1	Lò đứng cũ	8
2	Lò đứng cơ giới hoá	48
3	Lò đứng cơ giới hoá tiên tiến	16
4	Các loại lò quay khác nhau	10
5	Lò quay buồng phân huỷ	16

Bảng 1. Tỷ lệ sản lượng xi măng

Qua bảng này thấy rõ hiệu quả rất lớn của việc đổi mới công nghệ và việc thực hiện biện pháp loại bỏ các lò đứng cũ lạc hậu. Từ năm 1996 đã có 3.900 nhà máy xi măng lò đứng cũ lạc hậu với tổng công suất 95 triệu tấn xi măng/năm đã bị đóng cửa. Đồng thời sản lượng xi măng của các nhà máy xi măng có lò quay buồng phân huỷ đã được tăng lên 80 triệu tấn/năm. Nhiều công ty chủ lực đã đầu tư một loại nhà máy với công nghệ tiên tiến, chúng đóng vai trò to lớn trong việc mở rộng dải công suất của nhà máy xi măng. Hiện tại đã có 20 nhà máy xi măng có công suất 2-3 triệu tấn xi măng/năm cho mỗi nhà máy. So với lò quay buồng phân huỷ thì các lò đứng cũ cũng như các loại lò quay khác thường có công suất thấp, chất lượng xi măng kém và kèm theo một loạt vấn đề về ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên loại lò đứng hiện đại lại là một dạng lò đứng đã được cải tiến phát triển cơ giới hoá ở mức độ cao và sự phát triển này đã rất thịnh hành trong nền công nghiệp xi măng của Trung Quốc. Hiện tại ở Trung Quốc các nhà máy xi măng lò đứng cơ giới hoá và các nhà máy xi măng lò quay buồng phân huỷ vẫn tiếp tục phát triển, trong khi các nhà máy xi măng lò đứng cũ được giảm dần và chấm dứt hoạt động. Công nghệ xi măng lò quay buồng phân huỷ từ các nước công nghiệp phát triển đã có ở Trung Quốc từ 30 năm nay. Tuy nhiên công nghệ tiên tiến này chỉ mới phát triển nhanh chóng từ năm 1990, tới cuối năm 2002 Trung Quốc đã xây dựng tới 245 dây chuyền công nghệ lò quay buồng phân huỷ với tổng công suất mỗi dây chuyền đạt 1,41 triệu tấn clanhke/năm. Trong đó có 4 dây chuyền với công suất mỗi dây chuyền đạt tới 7.000 tấn clanhke/ngày. Chính việc đổi mới công nghệ trong những năm qua đã mang lại những hiệu quả mới trong việc nội địa hoá thiết bị sản xuất xi măng với kết quả là giảm được vốn đầu tư cho các dây chuyền xi măng tiên tiến lò quay buồng phân huỷ, nó thể hiện rất rõ trong việc đưa vào vận hành dây chuyền xi măng lò quay buồng phân huỷ công suất 5.600 tấn clanhke/ngày ở tỉnh An Huy trong tháng 2/2002. Dây chuyền này được đầu tư theo những bí quyết nghiên cứu phát triển công nghệ của Trung Quốc và được lắp đặt các thiết bị được nội địa hoá hoàn toàn với tổng vốn đầu tư là 256 triệu NDT. Các thông số kỹ thuật đạt được ngang với mức độ tiên tiến của thế giới bao gồm:

- Công suất lò quay, tấn clanhke/ngày: 5.600
- Tiêu hao nhiệt năng, Kcal/kg clanhke: 709
- Tiêu hao điện năng. KWh/tấn clanhke: 54
- Nồng độ bụi khí thải, mg/Nm³: 50
- Giới hạn bền nén sau 28 ngày, MPa: 60

Hiện nay ở ngay tỉnh An Huy tiếp tục được đầu tư xây dựng thêm mới 3 dây chuyền xi măng lò quay buồng phân huỷ với công suất 10.000 tấn clanhke/ngày cho mỗi dây chuyền.

Về sản phẩm, theo tiêu chuẩn thử mẫu giới hạn bền nén, xi măng Trung Quốc được chia thành 3 nhóm mác xi măng: nhóm xi măng mác thấp 32.5, nhóm xi măng mác trung bình 42.5 và nhóm xi măng mác cao 52.5. Xi măng gồm loại xi măng thường và loại xi măng đặc biệt. Xi măng thường là xi măng poóclăng và xi măng hỗn hợp, còn xi măng đặc biệt là xi măng trắng, xi măng giồng dầu và xi măng cường độ cao. Theo thống kê tới cuối năm 1990 mác xi măng 42.5 là sản phẩm xi măng chủ yếu chiếm tới 60% tổng sản lượng xi măng của Trung Quốc, trong khi đó nhóm xi măng mác cao 52.5 chỉ chiếm khoảng < 20%. Tuy nhiên với nhu cầu tăng nhanh của các loại vật liệu xây dựng chất lượng cao thì việc sản xuất xi măng mác cao của Trung Quốc cũng đang tăng theo. Xi măng mác thấp chủ yếu do các nhà máy xi măng lò đứng cũ lạc hậu xuất ra thị trường. Hiện tại theo chiến lược của nhà nước nhằm giảm lượng nhiên liệu sử dụng cũng như ảnh hưởng tới môi trường nên ngày càng mở rộng khuyến khích sản xuất các loại xi măng hỗn hợp. Xi măng đặc biệt chiếm khoảng 3% tổng sản lượng xi măng của Trung Quốc.

Về sở hữu, các nhà máy xi măng của Trung Quốc được phân chia chính thức thành các khu vực theo chủ sở hữu của chúng gồm: nhà nước, hợp tác xã, nước ngoài, tư nhân và các cơ sở tư bản nội địa. Theo các thông kê chưa hoàn chỉnh trong những năm qua số lượng các nhà máy xi măng của nhà nước và hợp tác xã quản lý tiếp tục giảm, trong khi số lượng các nhà máy xi măng của các khu vực khác đang tăng lên. Trong năm 2002, số lượng nhà máy xi măng của chủ sở hữu tư bản nội địa đang đứng đầu so với số lượng nhà máy xi măng của chủ sở hữu khác. Điều này chứng tỏ rằng sự cải cách trong quyền chủ sở hữu đang được thực hiện khá mạnh, trong đó vốn đầu tư nước ngoài và tư bản nội địa đang tăng tốc từng ngày đặc biệt qua việc mở rộng sự kết hợp với sở hữu nhà nước. Chính phủ Trung Quốc đang khuyến khích các nhà máy xi măng do nhà nước quản lý chuyển mạnh sang hệ thống cổ phần hoá và liên doanh với các công ty nước ngoài.

Trong những năm tới, nền kinh tế Trung Quốc vẫn phát triển với mức độ tăng trưởng 7 %. Trong đó lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở - đây là phong vũ biểu của nền kinh tế Trung Quốc vẫn tiếp tục được đầu tư mạnh tới 660 - 720 tỷ NDT trong thời kỳ 2001 – 2005. Lĩnh vực bất động sản vẫn được vận hành sung sức. Theo các báo cáo thì riêng 2 lĩnh vực này đã tiêu thụ hơn 55 % nhu cầu xi măng. Thị trường xi măng Trung Quốc đang ở trong giai đoạn khá thịnh vượng. Theo các dự báo nhu cầu xi măng vẫn đang ở mức tăng trưởng đều đặn 3 %/năm, trong đó nhu cầu xi măng mác cao tăng khá nhanh. Tuy nhiên mức tăng trưởng này phụ thuộc vào việc nâng cấp các tiêu chuẩn xây dựng và việc thực hiện các chính sách mới được áp dụng trong nền công nghiệp xi măng của Trung Quốc.

Theo báo cáo của Viện nghiên cứu chiến lược công nghiệp vật liệu xây dựng Trung Quốc thì nền công nghiệp xi măng của Trung Quốc đang ở trong giai đoạn phát triển rất khả quan, song cũng đang đối mặt với nhiều thách thức.

Theo dự báo sản lượng xi măng của Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm hơn trước đây. Khu vực xi măng lò quay buồng phân huỷ sẽ ở trong thời kỳ bùng nổ mạnh trong những năm tới bởi được các chính sách mới của Chính phủ kích thích mạnh. Sản lượng xi măng của các lò quay này phải đạt tới 250 triệu tấn xi măng vào năm 2005. Việc sử dụng các loại lò quay phương pháp ướt và các lò đứng cũ lạc hậu phải giảm mạnh, ước tính tới cuối năm 2005 khoảng 60 triệu tấn xi măng này sẽ được loại bỏ. Hiện nay ngành công nghiệp xi măng Trung Quốc được liệt kê trong danh sách một trong ngành công nghiệp chủ lực được Chính phủ điều chỉnh cơ cấu. Chính phủ ưu tiên phát triển các công ty xi măng lớn nhằm làm điểm tựa cho quá trình tái cơ cấu ngành. Mặt khác các nguồn vốn nước ngoài và tư nhân sẽ được khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy xi măng lớn với công nghệ tiên tiến. Các giải pháp nêu trên sẽ mang lại các cơ hội cho sản xuất sạch hơn cũng như các hiệu quả về tiết kiệm năng lượng trong nền công nghiệp xi măng của Trung Quốc. Trung Quốc hiện tại đang triển khai chương trình nhiên liệu thay thế bằng việc thay đổi các lò nung xi măng và cải thiện các điều kiện môi trường thông qua việc sử dụng các chất thải tái chế làm nhiên liệu đốt. Với sự kết hợp một cách đồng bộ các giải pháp của Chính phủ về sở hữu, công nghệ, tài chính, môi trường tại chỗ v.v... Trung Quốc hy vọng sẽ biến đổi mạnh nền công nghiệp xi măng trong một thời gian ngắn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế của đất nước, và nó sẽ ngày càng đóng vai trò to lớn hơn nữa không những cho nền kinh tế của Trung Quốc mà còn cho cả sự phát triển của nền công nghiệp xi măng của thế giới.

Phần 2:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XI MĂNG THẾ GIỚI

CHƯƠNG 7: DỰ BÁO PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP XI MĂNG THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2003- 2020

TS. Mike Betts là nhà phân tích về xây dựng thuộc JP Morgan của VQ Anh, dự báo về định hướng phát triển của ngành công nghiệp xi măng thế giới trong những năm sắp tới, và bàn về những nhân tố chủ yếu trong sự phát triển của ngành này, gồm có sự phát triển hơn nữa các thị trường mới nổi lên, sự liên kết chặt hơn giữa các nhà cung ứng công nghiệp và sự cần thiết giảm liên tục các chi phí.

1. Dự báo tăng tiêu thụ xi măng toàn cầu trong giai đoạn 2003- 2020

Dự báo về tiêu thụ xi măng trong tương lai trước hết dựa trên 2 yếu tố:

- Dự báo về dân số được LHQ công bố;
- Thành tựu phát triển kinh tế của đất nước/khu vực dựa trên chỉ tiêu GDP trên đầu người.

Trong giai đoạn 1985- 2003, mức tăng dân số trung bình hàng năm của thế giới bằng 1,5%. Mức tăng dân số cao nhất ở châu Phi bằng 2,5% và thấp nhất ở Đông Âu bằng -0,1%. Dân số trên thế giới dự báo tăng chậm hơn trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, với mức tăng trung bình hàng năm bằng 1,1% . Châu Phi vẫn là nơi dự báo có mức tăng dân số cao nhất, trung bình vào khoảng 2% hàng năm trong giai đoạn 2003- 2020, còn châu Âu dự báo vẫn có mức tăng chậm nhất bằng khoảng -0,5% hàng năm. Sự tăng dân số dự kiến vẫn mạnh nhất tại các thị trường mới nổi lên và tiếp tục tương đối yếu dân ở Tây Âu.

Ngoài việc có mức tăng dân số cao nhất, nhiều thị trường mới nổi lên cũng đạt được thành tựu trong sự phát triển kinh tế của họ, nơi có mức tiêu thụ xi măng cũng đang tăng lên đáng kể. Như GDP ở một nước đang phát triển tăng trên mức 3000 USD/người. năm, thì tiêu thụ xi măng cũng có xu hướng

tăng đáng kể. Các nước này thường cần phải xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng mới, cải thiện chất lượng và số lượng nhà ở. Tại gần mức này của tiềm năng kinh tế thì họ có thể bắt đầu làm được việc này. Khi GDP vượt mức 15.000 USD/người.năm, thì mức tiêu thụ xi măng sẽ đạt tới đỉnh cao, và có thể duy trì được trong nhiều năm. Khi mà những hạng mục chính của công việc xây dựng đã được hoàn thành, thì lượng xi măng tiêu thụ có thể bắt đầu giảm đi. Bởi vậy mà lượng xi măng tiêu thụ sẽ tăng nhanh hơn và trong thời gian dài hơn tại các thị trường mới nổi lên so với ở các nước phát triển.

Kết hợp các số liệu trên có thể tính được mức tăng tiêu thụ xi măng ở các khu vực khác nhau trên thế giới (bảng 1)

Bảng 1. Tiêu thụ xi măng toàn thế giới giai đoạn 1985- 2020 (dự báo), triệu tấn (Số liệu của Cembureau và Dự báo của Morgan)

Khu vực	1985	2003 db	%tăng/năm	% tăng/năm 2003- 2020	2020 db
Tây Âu	163,8	226,2	2,0%	1%	267,9
Bắc Mỹ	84,6	115,2	1,9%	1%	136,4
Úc	6,8	9,0	1,8%	1%	10,7
Nhật Bản	67,7	60,1	-0,7%	0%	60,1
Các nước phát triển	323,0	410,5	1,5%	0,8%	475,0
Đông Âu	43,8	69,0	2,9%	3%	114,0
Mỹ La tinh	57,5	92,7	3,0%	2%	129,8
Châu Á	226,5	973,8	9,5%	5%	2231,9
Trung Đông	5,4	10,7	4,9%	3%	17,3
Châu Phi	30,5	56,4	3,9%	3%	93,1
Các nước đang phát triển	363,7	1202,5	7,8%	4,3%	2586,5
Tổng cộng	686,7	1613,0	5,5%	3,6%	3061,5

Theo bảng 1 cho thấy, tiêu thụ xi măng trên toàn cầu sẽ tăng 3,6%/năm trong giai đoạn từ nay đến 2020, cao hơn so với 1,9% của giai đoạn 1985-2003. Đối với các nước phát triển, mức tăng tiêu thụ xi măng hàng năm bằng 0,8%, còn các nước đang phát triển là 4,3%/năm.

Tiêu thụ xi măng năm 2020 ở các thị trường đang nổi lên

Tiêu thụ xi măng ở các nước đang phát triển chiếm tới 75% tổng lượng xi măng tiêu thụ trên thế giới năm 2003, tỷ lệ này sẽ tăng lên 84% vào năm 2020.

Dự báo đối với Trung Quốc năm 2020

Trong năm 2003, tiêu thụ xi măng ở Trung Quốc dự báo vào khoảng 700 triệu tấn, tăng 10,2%/năm kể từ năm 1985 tới nay, và chiếm tới 43% tổng lượng xi măng tiêu thụ toàn cầu. Đến năm 2020, dự báo lượng xi măng tiêu thụ ở Trung Quốc sẽ chiếm tới 52% của toàn thế giới.

Sự cần thiết tăng công suất mới xi măng

Công suất xi măng hàng năm của toàn cầu hiện vào khoảng 1,2 tỷ tấn trừ Trung Quốc, và bằng 1,8 tỷ tấn nếu kể cả công suất các lò đứng của Trung Quốc. Dựa vào lượng tiêu thụ xi măng năm 2003 bằng khoảng 1,6 tỷ tấn (bảng 1), có thể thấy mức sử dụng công suất đạt tới 90%. Cho rằng có thể duy trì được mức sau cùng này, lượng xi măng tiêu thụ dự báo năm 2020 là 3061 triệu tấn sẽ cần có công suất bằng 3416 triệu tấn, cao hơn so với hiện nay là 1616 triệu tấn, tương đương với mức tăng trung bình hàng năm là 95 triệu tấn. Cho rằng, tuổi trung bình để duy trì công suất 1800 triệu tấn là 40 năm, chứng tỏ có nhu cầu thay thế 45 triệu tấn mỗi năm, để sản xuất ra tổng số 140 triệu tấn/năm. Mức thấp trung bình tăng thêm từ năm 1980 là 25 triệu tấn/năm, và tăng cao đáng kể vào năm 1995 đạt mức cao nhất 60 triệu tấn/năm. Công suất mới được xây dựng giảm đi sau cuộc khủng hoảng kinh tế châu á năm 1997. Năm 2001 và 2002, các đơn đặt hàng chỉ thực hiện được 13 triệu tấn công suất/năm, là mức thấp nhất kể từ năm 1986. Tuy nhiên, các đặt hàng công suất mới đã lại tăng lên trong năm 2003. Hãng FLS là một hãng cung cấp chính các nhà máy xi măng thông báo rằng, vào cuối tháng 6/2003 hãng đã có mức đặt hàng cao nhất chưa từng thấy.

Điều này có thể dự báo trước thời kỳ bùng nổ đối với các nhà cung cấp các thiết bị xi măng. Tuy nhiên, cần có sự cảnh báo trước. Một tính toán tương tự cho giai đoạn 1985- 2003 cho thấy rằng tiêu thụ xi măng đã tăng lên 926 triệu tấn ít hơn 500 triệu tấn công suất mới tăng thêm. Sự chênh lệch này xuất hiện là do có 553 triệu tấn tăng lên trong lượng tiêu thụ xi măng ở Trung Quốc, chủ yếu được cung cấp bằng xi măng lò đứng chất lượng thấp. Hiện tượng này có lẽ sẽ không lặp lại ở Trung Quốc trong tương lai, bởi chất lượng xi măng yêu cầu ngày một tăng lên, do đóng cửa các lò đứng. Sự thay thế các nhà máy

xi măng lò đứng dường như làm tăng thêm nhu cầu đối với tăng công suất mới xi măng. Tuy nhiên, giá xi măng sẽ cân tăng lên từ mức hiện nay vào khoảng 30 USD/tấn ở Trung Quốc, nếu như có nhu cầu đầu tư trong thời gian tới.

Sự mở rộng các công ty xi măng lớn

Tỷ lệ công suất xi măng thế giới được kiểm soát bởi các công ty xi măng lớn đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Năm 1988, 6 công ty lớn nhất thế giới đã kiểm soát 9% công suất xi măng thế giới bên ngoài Trung Quốc. Vào cuối năm 2000, tỷ lệ này tăng lên tới 33%. Sự giành được công ty Blue Circle bởi Lafarge, cùng với một loạt các cuộc chuyển nhượng nhỏ hơn, đã làm tăng tỷ lệ kiểm soát công suất xi măng của các công ty lớn đạt tới 42% vào cuối năm 2002.

Dự báo rằng, xu hướng này sẽ còn tiếp tục tăng, mặc dù có thể ở mức độ chậm hơn. Sự sáp nhập đang diễn ra trong việc quản lý vốn trong công nghiệp đã hướng tới tập trung quyền lợi vào những công ty lớn hơn. Tỷ phần hoạt động đã tăng lên được hạch toán bằng cách khoanh vùng các nguồn vốn cũng có tác động tương tự, cũng như cổ phần của các công ty lớn có xu hướng kém ổn định hơn. Các nhà đầu tư có thể mua và bán các cổ phần có tác động ít hơn đối với giá cổ phiếu dành cho các công ty nhỏ hơn, ổn định hơn. Nói chung, các nhà đầu tư cũng được khuyến khích của các ngành kinh tế thuộc ngành xi măng, đặc biệt thông qua các công ty lớn hơn có khả năng nhiều hơn cắt giảm các khoản chi phí đầu tư và tạo ra việc tiết kiệm chi phí thông qua việc cải tiến các thao tác vận hành. Tiếp theo, các công ty lớn hơn hướng tới mức tăng trưởng cao hơn. Quy mô của công ty thể hiện bằng giá trị cổ phiếu chứng khoán được biểu diễn trên trục (x), và bội số EV/EBITDA chỉ sự kinh doanh của công ty biểu diễn trên trục (y). Giá trị (EV) của công ty đánh giá tổng giá trị của công ty, được tính bằng cách cộng gộp cả giá trị cổ phiếu chứng khoán, khoản nợ thực tế và giá trị lợi tức tối thiểu. EBITDA được xác định như những khoản thu nhập trước thuế và lợi tức, trước sự giảm giá và sự khấu hao của hàng hoá. Dãy chuyển phù hợp nhất thể hiện trên biểu đồ đường dốc hướng lên trên, chứng tỏ rằng các công ty lớn hơn nói chung có mức tăng trưởng cao hơn.

Các công ty xi măng đa quốc gia có các cổ phần thị trường đáng kể ở các nước phát triển, đã sở hữu tới trên 70% công suất. Đặc điểm chính của các chuyển nhượng tương lai có thể sẽ là các thị trường mới nổi lên, đặc biệt là ở châu Á, nơi như đã mô tả ở trên, có tương lai phát triển cao nhất và hiện vẫn còn khả năng chuyển nhượng đáng kể. Chỉ có 27% công suất xi măng ở châu Á, trừ Trung Quốc, đã được sở hữu bởi các công ty xi măng lớn của quốc tế. Nếu kể cả Trung Quốc thì các công ty xi măng lớn của quốc tế chỉ sở hữu có 12% công suất ở châu Á.

Mặc dù có những lợi thế về quy mô, các công ty xi măng lớn trên thế giới với những cuộc chuyển nhượng công ty lớn đã trở nên nghèo đi trong

những năm vừa qua. Việc thu hồi vốn đầu tư của các công ty xi măng lớn nói chung giảm sút về sau, trừ Italcementi, nơi công ty này đã được nâng cấp từ nền tảng thấp. Italcementi cũng được tiếp nhận ít hơn đáng kể so với các công ty xi măng lớn khác. Sự giảm sút thu hồi vốn đầu tư đối với Holcim và Lafarge có thể do sự chuyển nhượng mà họ giành được trong một vài năm gần đây, nơi những thu hồi vốn ban đầu có xu hướng tương đối thấp. Sự giảm sút tại công ty HeidelbergCement có thể còn phản ánh thêm sự giảm sút trong thị trường xây dựng của Đức.

Trong những năm 1980 và 1990, nhiều công ty xi măng lớn đã thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi các gia đình lớn. Thí dụ như, Thomas Schmidheiny tại Holcim, Lorenzo Zambrano tại Cemex, và gia đình Pesenti tại Italcementi. Các gia đình này đã có thể lựa chọn những chiến lược lâu dài cho việc kinh doanh của họ. Đường như sự mất dần quyền kiểm soát của các gia đình trong ít năm sau đó có thể dẫn đến sự hình thành một đội ngũ quản lý mới với những chiến lược ngắn hạn hơn.

Sự cắt giảm chi phí vẫn sẽ là sự ưu tiên hàng đầu

Công nghiệp xi măng đã giảm được đáng kể những chi phí của nó trong những năm gần đây. Từ năm 1978 đến năm 2000, công nghiệp xi măng Mỹ đã giảm được tiêu thụ năng lượng (triệu BTU/ triệu tấn xi măng) trung bình bằng 1,4%/năm. Tương tự, giảm được sử dụng lao động (số lao động/ triệu tấn xi măng) với mức trung bình bằng 2,7%/năm.

Công nghiệp xi măng cũng hướng tới mục tiêu tiết kiệm chi phí lớn hơn. Thí dụ như, HeidelbergCement hướng tới tăng gấp đôi sử dụng các nhiên liệu hữu hiệu đạt tới 30% nhu cầu năng lượng của công ty vào năm 2010. Công ty này cũng hướng tới cắt giảm tiêu thụ năng lượng bằng những biện pháp khác đạt tới 7% vào năm 2010. Cả hai yếu tố này cũng có những lợi ích về môi trường, như chúng sẽ giảm sự phát thải khí carbon dioxide.

Viễn cảnh sắp tới

Trong giai đoạn từ nay đến 2020, tiêu thụ xi măng toàn cầu có thể sẽ tăng thêm khoảng 90%, với sự tăng của Trung Quốc lên tới gần một nửa tổng số tiêu thụ xi măng của thế giới. Điều này cần có sự tăng đáng kể khối lượng công suất mới của các nhà máy xi măng đã được xây dựng, đặc biệt là ở châu Á. Nếu các công ty xi măng lớn tiến tới duy trì và phát triển độc lập, tăng tỷ phần của họ trong thị trường xi măng toàn cầu, thì họ sẽ cần mở rộng đáng kể quy mô hoạt động của họ ở châu Á. Điều này có thể thông qua việc xây dựng công suất mới hoặc mua lại, nhưng sau đó cần phải tạo ra sự thu hồi vốn cao hơn trong thời hạn ngắn so với những cuộc mua lại vừa qua của họ. Ngành công nghiệp xi măng cũng cần phải tiếp tục giảm bớt các chi phí.

CHƯƠNG 8: MỘT SỐ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XI MĂNG SINH THÁI TRÊN THẾ GIỚI

Xi măng sinh thái (XMST) là vật liệu kết dính cứng trong môi trường nước, được tạo ra bằng cách nung và nghiền nhỏ nguyên liệu chủ yếu là tro rác thải đô thị, bùn và đá vôi. Trước khi sử dụng, tro rác thải đô thị được tách các thành phần kim loại như Cu, Zn, Al... ở hệ thống thu hồi kim loại, bùn được xử lý khử clo. Thực tế chứng minh rằng, sử dụng rác thải đô thị hoặc bùn làm nguyên liệu sản xuất XMST có thể giải quyết triệt để vấn đề rác thải đô thị và bùn, là con đường bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm, có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển xã hội bền vững.

Trong quá trình sản xuất xi măng, có thể tái sử dụng các sản phẩm phụ trong quá trình sản xuất, sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường và có thể thu hồi tái sử dụng. Xi măng phù hợp với nguyên tắc này mới là XMST.

Ở nước ngoài, các loại XMST chủ yếu là Gaobeilite, xi măng trộn nhiều xỉ công nghiệp, sản xuất bằng phế liệu công nghiệp... Xi măng gaobeilite là loại xi măng có tính năng cao, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên. Nếu áp dụng kỹ thuật thiết bị mới và kỹ thuật xi măng (muối sunphua nhôm, muối sắt nhôm), nghiên cứu sản xuất xi măng gaobeilite tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường (lượng C_2S lớn hơn 60%) thì chỉ cần nung ở nhiệt độ 1200- 1250°C, dự tính mỗi năm có thể tiết kiệm được hàng chục triệu tấn than tiêu chuẩn. Do hàm lượng CaO trong sản phẩm thấp hơn 10%, nên lượng CO_2 xả ra giảm bớt trên 25%, hơn nữa còn có thể dùng quặng chất lượng kém và xỉ công nghiệp làm nguyên liệu, hàng năm có thể sử dụng khoảng 100 triệu tấn xỉ công nghiệp. Loại xi măng này rất cứng, bền và chống ăn mòn hoá học, phạm vi sử dụng rộng, hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Các nước công nghiệp phát triển có kinh nghiệm phong phú về việc sử dụng phế liệu để sản xuất XMST, Nhật Bản có hơn 40 doanh nghiệp xi măng, hơn một nửa số đó đều xử lý phế liệu. Công ty xi măng Tsushyo sản xuất xi măng có độ rắn cao bằng bùn cống ngầm và rác thải đô thị. Nhà máy xi măng của Hội liên hiệp xi măng châu Âu mỗi năm xử lý 1 triệu tấn rác thải độc hại.

Phần lớn các nhà máy xi măng Mỹ đều sản xuất xi măng bằng phế liệu, kỹ thuật hoàn thiện, ứng dụng rộng rãi. Mỹ đã áp dụng 3 biện pháp xử lý phế liệu độc hại. Trước đây thường xử lý bằng phương pháp chôn xuống đất, nhưng biện pháp này gây ô nhiễm cho nước ngầm. Sau đó lại áp dụng biện pháp đốt trong lò để xử lý rác độc hại, nhưng vì nhiệt độ lò đốt thấp (thường là 850-1200°C), thời gian phế liệu dừng lại rất ngắn (thường là 2 gy), phế liệu độc hại

rất khó phân huỷ hoàn toàn, sẽ có một lượng nhỏ chất độc hại xả vào không khí, xỉ còn lại cần phải được chôn sâu hoặc xử lý, do vậy có thể gây ra 2 lần ô nhiễm môi trường. Biện pháp thứ 3 là thông qua thử nghiệm, họ thấy lò quay sản xuất xi măng xử lý phế liệu độc hại hữu hiệu hơn lò đốt, có thể dùng phế liệu độc hại cháy được để thay thế một phần hoặc phần lớn than đá hoặc dầu trong sản xuất xi măng, vừa xử lý được phế liệu vừa tiết kiệm năng lượng.

I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN XMST TRÊN THẾ GIỚI

Tình hình nghiên cứu phát triển trọng điểm của các công ty thiết bị sản xuất xi măng ở châu Âu, Mỹ...có thể đại diện cho phương hướng phát triển mới nhất của công nghiệp XMST trên thế giới ngày nay, nó có 4 đặc điểm sau:

1. Thúc đẩy nền công nghiệp xi măng ngày càng phù hợp với môi trường sinh thái.

Nhà máy xi măng phải phù hợp và cùng tồn tại hài hoà với môi trường xung quanh, phải giảm bớt xả chất thải ô nhiễm, cố gắng không gây ô nhiễm môi trường.

Các nước như Pháp, Thụy Sĩ... giám sát đo lường toàn diện mức độ ô nhiễm của nhà máy xi măng trong một thời gian dài và thấy rằng theo tiêu chuẩn xả khí thải của các nước, nhà máy xi măng hoàn toàn có thể tồn tại hài hoà với môi trường xung quanh, những chỉ tiêu chất lượng môi trường sinh thái khu vực xung quanh nhà máy hoàn toàn phù hợp với khu vực không có nhà máy xi măng: mức độ ô nhiễm bằng 0.

2. Giảm bớt tiêu hao điện năng và nhiệt năng.

Áp dụng công nghệ mới và thiết bị mới, nâng cao hiệu quả của hệ thống nghiền và hệ thống nung, lợi dụng nhiệt độ dư thừa để phát điện, sưởi ấm và làm lạnh. Lượng điện thu được nhờ vào lợi dụng nhiệt dư thừa, khí thải của lò nung và bộ phận làm lạnh, tương đương với lượng điện tiêu hao cho sản xuất xi măng.

3. Mở rộng chức năng tái sử dụng phế liệu.

Nhà máy XMST không được gây ô nhiễm môi trường khi thải phế liệu, cần phải tái sử dụng rộng rãi các loại nguyên liệu và nhiên liệu kém chất lượng, xử lý phế liệu của các ngành công nghiệp khác, phế liệu cháy được và rác thải đô thị... để làm nguyên liệu hoặc nhiên liệu tái sinh, nhằm giảm nhẹ vấn đề môi trường cho toàn xã hội, nhanh chóng khiến cho nhà máy xi măng hoàn toàn không phải tiêu hao nhiên liệu khoáng thiên nhiên, phế liệu cháy được hoàn toàn có thể thay thế cho nhiên liệu khoáng thiên nhiên.

4. Sản xuất xi măng theo nhu cầu

Để làm thoả mãn những nhu cầu khác nhau của người tiêu dùng đối với tính năng xi măng, nhà máy XMST nước ngoài không những cung cấp các loại xi măng phù hợp với tiêu chuẩn, mà còn có thể cung cấp xi măng hỗn hợp, xi măng trộn sẵn với các tính năng khác nhau tùy theo nhu cầu của khách hàng, triệt để phát huy các đặc tính, tác dụng của xi măng, kéo dài tuổi thọ của xi măng.

Những đặc điểm trên hình thành quan niệm mới, phương thức mới trong sản xuất xi măng nhằm điều chỉnh sự phát triển của bê tông và xi măng sinh thái. Nó liên quan tới việc đổi mới hình thức cơ cấu chủng loại xi măng, hệ thống xay nghiền vật liệu bê tông, trang thiết bị trộn sẵn bê tông, hệ thống điều tiết chất lượng xi măng.

II. CÔNG NGHỆ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT XMST

Các biện pháp công nghệ sản xuất XMST chủ yếu là tiết kiệm năng lượng, giảm bớt CO₂ xả ra, trộn thêm nhiều chất thải rắn vào nguyên liệu dựa vào đặc điểm của sản xuất xi măng...

1. Chất phụ gia sản xuất xi măng ít ô nhiễm môi trường

Dùng xỉ khoáng vật, tro núi lửa...làm nguyên liệu sản xuất xi măng, còn có thể dùng xỉ than cám, bột đá vôi, xỉ khoáng vật...làm nguyên liệu sản xuất xi măng hỗn hợp, nâng dần lượng sử dụng. Như vậy có thể giảm bớt lượng sử dụng xi măng silicat, giảm bớt năng lượng tiêu hao, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như đá vôi..., hạ thấp lượng CO₂ xả ra môi trường.

2. Kỹ thuật mới sản xuất XMST

Cần phải hết sức cố gắng giảm bớt ảnh hưởng tới môi trường sinh thái khi sản xuất và sử dụng XMST. Ngoài việc cải tiến thành phần ra, còn phải giảm bớt tiêu hao năng lượng trong quá trình sản xuất. Một thí dụ tương đối thành công là Công ty xi măng Testsufu Koyata của Nhật, đã áp dụng kỹ thuật mới dùng tro rác thải đô thị và bùn khô của cống ngầm làm nguyên liệu chủ yếu. Trong tro rác thải đô thị có 5- 10% hợp chất clorua, chúng được sử dụng trực tiếp mà không cần phải qua xử lý, thông qua những phương pháp khác nhau có thể sản xuất ra XMST.

Kỹ thuật này do cơ quan phát triển tổng hợp năng lượng mới- kỹ thuật công nghiệp của Chính phủ Nhật Bản và Công ty Xi măng Thái Bình dương cùng phát minh. Công nghệ sản xuất không khác biệt lắm so với nung xi măng thông thường, dùng hỗn hợp tro rác đô thị, bùn cống và đá vôi thiên nhiên nung trong lò quay, nghiền thể rắn sau khi nung với thạch cao. Điều khác biệt là nhiệt độ nung loại xi măng này là 1350°C, thấp hơn so với nhiệt độ 1500°C

nung xi măng thông thường. Do trong tro rác thải có 5- 10% nguyên tố clo, nên tốc độ đông cứng của xi măng nhanh hơn. Nếu cho thêm chất làm chậm đông cứng thì có thể sử dụng như xi măng bình thường. Công ty xi măng Thái Bình dương dự định sẽ xây dựng một nhà máy XMST với sản lượng 110 nghìn tấn/năm, mở ra con đường mới cho tái sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Công nghệ mới giảm bớt tiêu hao năng lượng

Gần đây, Hiệp hội xi măng Nhật Bản và Trung tâm sử dụng tổng hợp than đá cùng triển khai nghiên cứu thành công kỹ thuật dùng lò tầng sôi để nung xi măng. Kỹ thuật này cải tiến lò quay và máy làm nguội sản phẩm thành lò tầng sôi, không có phần chuyển động, hiện nay đang vận hành ở nhà máy thực nghiệm với sản lượng 200 tấn/ngày. Áp dụng kỹ thuật này có thể tiết kiệm 10-15% năng lượng, giảm lượng xả khí NO_x xuống khoảng 5%, có hiệu quả tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường rõ rệt.

4. Kỹ thuật tái sử dụng phế liệu

Dựa vào đặc điểm công nghệ sản xuất xi măng, nhà máy XMST tiêu thụ nhiều phế liệu, có tác dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, giảm bớt lượng khí thải CO₂, dùng sẫm lớp cũ hoặc rác thải đô thị làm nhiên liệu nung xi măng, dùng bê tông phế liệu làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

Từ những đơn vị sản xuất xi măng lò đứng tới những dây chuyền công nghệ sản xuất theo phương pháp khô hiện đại, công nghiệp xi măng đã qua một quá trình phát triển từ hiệu ứng âm tới hiệu ứng dương đối với môi trường. Hiện nay, đang xuất hiện quan niệm thiết kế với trọng tâm là đầu tư thấp, tiêu hao năng lượng ít, bảo vệ môi trường. Trong tương lai công nghiệp xi măng sẽ phải gánh vác nhiệm vụ cách mạng môi trường, phù hợp với xu thế phát triển bền vững của thế giới.

CHƯƠNG 9: KADĀCXTAN - VIỆC PHÂN CHIA SỞ HỮU BỊ TRÌ HOÃN GÂY CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP XI MĂNG

Xây dựng nhà ở tại Kadācxtan luôn gặp phải khó khăn do thiếu các loại vật liệu xây dựng (VLXD). Trừ các vật liệu trơ (cát, đá), hầu như tất cả các dạng vật liệu đều bị thiếu như: gỗ, thủy tinh, gạch nung, ngói nung, các chế phẩm sứ vệ sinh, phải nhập khẩu từ các nước láng giềng và các nước khác. Ngay cả xi măng và vữa, mặc dù có tới 5 nhà máy lớn ở trong nước Cộng hoà sản xuất chất kết dính, nhưng vẫn phải mua của Nga, Kirgizia và thậm chí của Thổ Nhĩ Kỳ. Những chi phí này rõ ràng là ảnh hưởng tới giá nhà ở mới, làm cho đời sống của cư dân càng khó khăn thêm. Đặc biệt giá nhà rất đắt ở Axtana và Alma-Ata, trên thực tế không phù hợp với túi tiền của phần lớn người lao động.

Hiện nay, trên thực tế ở nước Cộng hoà này không có các căn hộ rẻ tiền. Giá trung bình 1 m² nhà ở tại nước Cộng hoà này vào khoảng 700 USD, còn những ngôi nhà sang hơn thì giá cao hơn nhiều lần. Một tỷ lệ lớn của giá này thuộc về các VLXD, trong đó có xi măng.

Vào giữa những năm 1990, ở Kadācxtan đã tiến hành tư hữu hoá các công trình công nghiệp, khoảng 80% tổng số các công trình này đã rơi vào tay tư nhân, không loại trừ các xí nghiệp công nghiệp xây dựng. Quá trình tư nhân hoá diễn ra rất nhanh, khiến cho mọi người không kịp nhận thức, và dường như quyền điều hành lại thuộc về những nhà doanh nghiệp "rỗng túi".

Mỗi người dân Kadācxtan có mối quan hệ với công nghiệp đều cảm thấy không vui khi nhớ về sự kiện này. Nhà nước trên thực tế đã phó thác nền công nghiệp cho số phận tự do định đoạt. Các cuộc đấu thầu tư nhân hoá do đại diện của các cơ quan nhà nước tiến hành một cách vội vã, không có sự chuẩn bị cần thiết. Các xí nghiệp bị tan đã dường như rơi vào tay bất cứ người nào muốn có, còn các xí nghiệp nào trông hấp dẫn hơn thì được bán cho "người của mình" hoặc bán cho những người mua có mối qua lại cửa sau với các thành viên của hội đồng bán đấu giá.

Trong tình hình trên việc bán cho tư nhân liên hiệp "KaragandaCement" cũng diễn ra tương tự. Liên hiệp này gồm có 2 nhà máy xi măng, hiện nay chúng có chung một tuyến đường sắt vận chuyển sản phẩm xi măng, lập ra một công ty cổ phần "Central Asia Cement"(CAC). Tuy nhiên, khi trong năm 1998 diễn ra việc bán đấu giá, thì chưa ai biết đến công ty cổ phần này. Khi đó, việc sản xuất xi măng do Hội ái hữu "Fortune" đảm nhiệm, hội này có đăng ký kinh doanh trên quần đảo Vigioxinxi thuộc Anh. Không lâu sau, hội này đã đổi tên thành CAC như đã nêu ở trên. Ở đây quyền kiểm soát gói cổ phần là do chủ sở hữu người Malaysia nắm giữ, phần cổ phiếu còn lại được phân bố trong vốn đầu tư Kadācxtan (KIF).

Tuy nhiên, các đồng cổ phần chỉ tồn tại đến tháng 1/2004, khi mà KIF đã bán các cổ phiếu của mình trực tiếp cho 3 công ty không hiểu xuất hiện từ đâu, các công ty này có chung một chủ, giám sát mọi diễn biến hoạt động của nhà máy xi măng, mà trong năm 2003 đã đạt sản lượng 700 nghìn tấn xi măng.

Thành tích được đảm bảo trước hết nhờ có nguồn vốn đầu tư mạnh. Để nhà máy đi vào hoạt động và hiện đại hoá, đã đầu tư 12 triệu USD bằng vốn vay tín dụng. Trong năm 2003, đã thanh toán cho chủ nợ 2 triệu USD "xanh".

Sự xuất hiện những đồng chủ sở hữu mới đã gây ra phản ứng xấu đối với chủ kiểm soát gói cổ phiếu người Malaysia, ông coi hợp đồng được ký sau lưng mình là bất hợp pháp. Thậm chí, ông đã không cho phép các đại diện của họ đến địa phận của Công ty cổ phần CAC. Bắt đầu thời kỳ ngừng trệ, vụ việc được đưa ra toà án phân xử, đã có những ý đồ phong toả vốn của nhà máy tại ngân hàng.

Lãnh đạo công ty cổ phần CAC hiện nay rất bất bình. Họ dự kiến không chỉ nhờ cơ quan luật pháp địa phương mà cả của nước ngoài giải quyết (toà án New York, trọng tài London). Việc kiện tụng đã bùng nổ trên quần đảo Kaimanovui, nơi đăng ký chính thức của Vốn đầu tư Kadăcxtan (KIF). Việc kiện tụng liệu có dẫn tới kết quả hay không, hiện chưa có câu trả lời.

Tình trạng cũng diễn ra tương tự tại nhà máy xi măng Uxch-Kamenogorxki. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế vào những năm 1990 ở nước Cộng hoà, ngành xây dựng đã bị suy thoái chung trên cả nước, dẫn đến sụt giảm nhu cầu đối với các loại VLXD. Các nhà máy ngừng sản xuất, thiết bị chạy "không tải". Đến năm 1998, khi nhà máy được giao bán thì sản xuất mới đạt 5% công suất thiết kế. Công ty xi măng Phương Đông (East-Cement) đã giành được hợp đồng mua nhà máy này. Nhưng khác với ở Karaganda, người chủ đầu tư và lãnh đạo ở đây đều là các nhà kinh doanh trong nước Kadăcxtan. Đây là nhà máy xi măng công suất lớn nhất ở Kadăcxtan, năm 2003 đạt sản lượng 600 nghìn tấn xi măng, dự kiến sẽ tăng sản lượng lên 22% trong giai đoạn tới. Theo giám đốc công ty, nhà máy sẽ áp dụng nhiều biện pháp để đưa sản lượng đạt công suất thiết kế, tức là 1,6 triệu tấn/năm trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, trên thực sự việc diễn biến rất phức tạp và có xu hướng ngày càng xấu đi. Tín hiệu đầu tiên phát ra vào tháng 9/2003, đó là bức thư của tập thể lao động nhà máy xi măng gửi lên Tổng thống nước Cộng hoà Kadăcxtan. Trong thư viết rằng, vào nửa cuối năm 2003, nhà máy đã chịu nhiều sức ép từ phía các tổ chức tài chính của nước Cộng hoà và thành phố Alma-Ata. Có thông tin dường như lãnh đạo nhà máy đang có mục đích biến tài sản của nhà máy thành của riêng họ. Dư luận cho rằng hiện đang diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa tập thể những người lao động sản xuất xi măng của nhà máy với lãnh đạo nhà máy. Sự việc vẫn chưa được làm sáng tỏ, nhưng đã làm cho sản xuất bị ngừng trệ. Tại nhà máy Uxch-Kamenogorxki cũng như ở Karaganda, không một ai chăm lo đến công việc sản xuất, đến việc hoàn thiện công nghệ và nâng cao sản lượng, giảm giá thành sản phẩm.

TIỂU SỬ CÁC TÁC GIẢ

(1) Jiang Minglin

Ông Jiang Minglin là Phó Giám đốc Văn phòng cố vấn của Hội đồng Nhà nước, nước CHND Trung Hoa.

9/1959-9/1964 - Học tại Khoa Cơ điện, Đại học Xây dựng Bắc Kinh, Ngành tự động hoá điện.

9/1964-6/1966 là kỹ thuật viên của Viện Thiết kế kiến trúc công nghiệp Tây Nam thuộc Bộ Vật liệu xây dựng TQ.

6/1966-12/1982 Kỹ sư của Viện Thiết kế công nghiệp xi măng Tứ Xuyên, thuộc Bộ Vật liệu xây dựng TQ.

4/1989 -9/1995 - Phó Giám đốc Viện nghiên cứu-thiết kế công nghiệp xi măng Thiên Tân

9/1995-9/1997 Giám đốc Viện nghiên cứu-thiết kế công nghiệp xi măng Thiên Tân

9/1997-1/2001 Phó chủ nhiệm Uỷ ban Nhà nước về Ngành VLXD

1/2001 đến nay- Phó Giám đốc Văn phòng cố vấn của Hội đồng Nhà nước

4/2001 đến nay - cố vấn Hội đồng Nhà nước.

(2) Lei Qianzhi

Ông Lei Qianzhi, sinh năm 1941, hiện giữ chức Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Trung Quốc.

Ông Lei tốt nghiệp Khoa Vô cơ thuộc Học viện Hoá học công trình Nam Kinh năm 1967, chuyên ngành Silicat.

Ông Lei đã từng làm lính cứu hoả, kỹ thuật viên, giám đốc nhà máy Xi măng Shuicheng ở Quý Châu. Ông trở thành Giám đốc Cục Vật liệu Xây dựng Quý Châu, Phó phòng Phát triển Quy hoạch thuộc Cục Vật liệu Xây dựng Nhà nước và sau đó giữ chức Cục phó.

Hiện nay, ông là Phó chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Trung Quốc, đồng thời là Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Trung Quốc. Ông Lei Qianzhi đã tham gia vào quản lý hành chính và nghiên cứu về sản xuất, công nghệ và phát triển vĩ mô của ngành xi măng trong một thời gian dài.

(3) Niu Jianguo

Phó Cục trưởng - Cục Điều hành kinh tế

Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia- Trung Quốc

Niu Jianguo sinh 10-1958. Kỹ sư trưởng, Phó Cục trưởng - Cục Điều hành kinh tế - Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia.

Năm 1982, tốt nghiệp Học viện Xây dựng luyện kim Xian - khoa vật liệu chịu lửa. Từ tháng 10/1992 - 10/1993 nghiên cứu tại Đại học TOHOKU (Nhật Bản).

Từ 12/1985 đến 11/2000 công tác tại Cục quản lý công nghiệp VLXD Quốc gia, Phó trưởng ban điều phối sản xuất, Trưởng ban quản lý sản xuất, Phó Ban cải cách chính sách và quy chế.

Từ 11-2000 đến 3-2003

Phó Cục trưởng Cục điều hành kinh tế của Ủy ban Thương mại và Kinh tế quốc gia

Từ 2003 đến nay: Phó cục trưởng Cục Điều hành kinh tế thuộc Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia.

(4) Johannes Neubacher

Ông Johannes Neubacher sinh năm 1969, quốc tịch Áo.

Trình độ: Thạc sỹ khoa học

Lĩnh vực: Quản trị kinh doanh/ Quản lý thông tin

Kinh nghiệm chuyên môn: Từ năm 2000- Phó Giám đốc cơ quan công tác của UNIDO-ITPO. Nguyên Chủ tịch Văn phòng châu Á về đầu tư và tài chính châu Âu.

Các chương trình nghiên cứu và dự án hiện nay:

1. Các chiến lược của các công ty đa quốc gia ở TQ: Sáp nhập và mua lại (thu nạp).
2. Xúc tiến đầu tư trong các nước đang phát triển và đảm bảo bền vững cho các khu vực phát triển.
3. Khu vực tư nhân của TQ và các mô hình giải ngân.
4. Công nghiệp y tế của TQ sau khi gia nhập WTO./.

Người dịch: Đinh Bá Lô, Bạch Minh Tuấn, Nguyễn Hồng Trang, Đào Minh Tâm.

Hiệu đính và biên tập: Đinh Bá Lô

